

Lời mở đầu

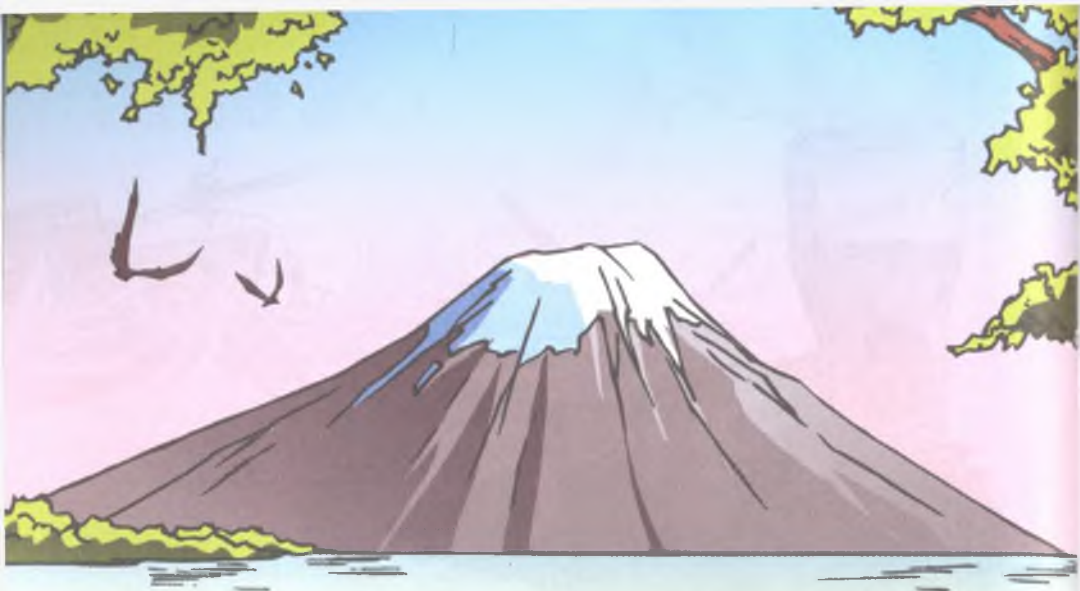
Trong khoảng 100 năm từ năm 1607 đến năm 1733, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa ven bờ Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ. Trước khi cuộc chiến giành độc lập nổ ra, nền kinh tế của các thuộc địa này đã có những thành tựu đáng kể. Để tiếp tục kiểm soát các thuộc địa và biến những nơi này thành nơi sản xuất nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa của mình, chính phủ Anh nghĩ đủ trăm phương ngàn kế để hạn chế sự phát triển kinh tế của các thuộc địa. Chính phủ Anh liên tục ban bố một loạt các chính sách gây sức ép lớn hòng khiến nhân dân của các thuộc địa phải khuất phục. Thế nhưng trái lại, nhân dân các thuộc địa lại không hề run sợ và gục ngã dưới sự đàn áp mạnh tay của nước Anh, họ đoàn kết và đấu tranh ngoan cường với mẫu quốc. Ngày 19 tháng 4 năm 1775, quân Anh đồn trú tại Boston đột kích kho vũ khí của quân du kích Bắc Mỹ ở Concord thuộc phía Tây Bắc của Boston. Tại làng Lexington, quân Anh bị du kích đánh chặn, từ nơi này đã vang lên tiếng súng đầu tiên của cuộc chiến tranh giành độc lập. Tháng 5 năm 1775, quốc hội lục địa lần thứ hai khai mạc tại thành phố Philadelphia. Quốc hội quyết định cử George Washington làm tổng tư lệnh quân đội lục địa, tổ chức xây dựng quân đội vũ trang chống quân Anh. Mùa xuân năm 1776, quân lục địa đuổi quân Anh ra khỏi Boston. Ngày 4 tháng 7 cùng năm, quốc hội lục địa công bố bản “Tuyên ngôn độc lập”.





Tháng 6 năm 1777, quân Anh chia làm nhiều ngả tấn công quân lục địa, trong đó đội quân Anh do tướng Burgoyne dẫn đầu xuất phát từ vùng Quebec của Canada. Suốt dọc đường họ bị quân lục địa Bắc Mỹ tấn công, khi tới Saratoga thì bị quân lục địa bao vây, buộc phải đầu hàng vào ngày 17 tháng 10. Đây là bước ngoặt của cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ. Tháng 5 năm 1780, quân Anh dốc toàn lực tấn công, quân Bắc Mỹ dùng cảm phản kích, khiến phần lớn quân Anh lui về cố thủ tại Yorktown, bang Virginia vào đầu năm 1781. Tháng 9, một hạm đội của Pháp đánh bại hải quân Anh trên vùng biển bên ngoài Yorktown, cắt đứt đường tiếp tế trên biển của quân Anh. Sau khi nghe tin, Washington dẫn quân xuống phía Nam hợp sức với quân Pháp do bá tước Rochambeau chỉ huy để bao vây tàn quân Anh. Tướng Anh Cornwallis buộc phải dẫn theo đội quân 7.000 người đầu hàng, cuộc chiến tranh giành độc lập của Bắc Mỹ tuyên bố kết thúc.

Sau đó, quân Bắc Mỹ phục viên, nhu cầu về lương thực trên thị trường giảm mạnh, giá lương thực tụt dốc. Thu nhập của nông dân ở Massachusetts giảm, nợ nần chồng chất, vì thế nhiều người phải vào tù. Năm 1786 nổ ra cuộc khởi nghĩa của nông dân, đó chính là cuộc khởi nghĩa Shays, kéo dài từ mùa thu năm 1786 tới nửa đầu năm 1787, cuối cùng thất bại.



Cuộc khởi nghĩa là chất xúc tác thúc đẩy soạn thảo hiến pháp. Ngày 25 tháng 5 năm 1787, hội nghị hiến pháp được tổ chức tại Philadelphia và họp đến ngày 17 tháng 9. Cuối cùng hội nghị đã thông qua một hiến pháp mới, đó chính là “Hiến pháp Hoa Kỳ”. George Washington được bầu làm tổng thống đầu tiên.

Sau khi giành được độc lập, nước Mỹ nhanh chóng mở rộng lãnh thổ với quy mô lớn, cư dân ở các bang miền Đông và dân di cư sau này liên tục tiến về miền Tây, dần dần hình thành phong trào Tây tiến. Đây là phong trào khai hoang quy mô lớn, có ảnh hưởng tích cực và sâu rộng đối với sự phát triển kinh tế, chính trị và xã hội của nước Mỹ.

Song song với phong trào Tây tiến, các bang miền Nam nước Mỹ duy trì chế độ nô lệ, một hình thức sản xuất bóc lột sức lao động mâu thuẫn với hình thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở miền Bắc. Mâu thuẫn trở nên gay gắt và thành xung đột, cuối cùng ươm mầm cho cuộc nội chiến lớn nhất trong lịch sử nước Mỹ, tức là cuộc chiến tranh Nam – Bắc. Trả giá bằng số lượng người thương vong khổng lồ và sự tổn thất nặng nề về kinh tế, cuộc chiến tranh này kết thúc với thắng lợi của quân đội miền Bắc. Trải qua cuộc chiến đó, vị thế của người da đen ở nước Mỹ được cải thiện rất nhiều, ngoài ra, miền Nam cũng bước vào quỹ đạo phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, từ đó đặt nền móng vững chắc cho nền nông – công – thương nghiệp của nước Mỹ đứng đầu thế giới sau này.

Chương 1: Chính phủ liên bang ra đời

Nội dung chính:

Các thuộc địa phát triển nhanh chóng

Từ đầu thế kỉ 17 đến nửa đầu thế kỉ 18, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa ven bờ Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ. Nền kinh tế của các thuộc địa này phát triển khá nhanh.

Chiến tranh giành độc lập nổ ra

Sự áp bức và bóc lột của nước Anh đối với các thuộc địa Bắc Mỹ đã làm dấy lên sự phản kháng của đông đảo nhân dân thuộc địa, khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, vào năm 1775, cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ đã nổ ra.

Hợp chúng quốc được thành lập

Từ tháng 4 năm 1775 đến tháng 10 năm 1781, sau khi trải qua cuộc đấu tranh gian khổ, nhân dân ở 13 thuộc địa Bắc Mỹ cuối cùng đã giành thắng lợi. Năm 1783, nước Anh thừa nhận nước Mỹ độc lập.

Hiến pháp Hoa Kỳ ra đời

Thời kì đầu sau khi giành được độc lập, cuộc sống của nhân dân không được cải thiện mà trái lại còn thống khổ hơn. Năm 1786, cuộc khởi nghĩa Shays nổ ra đã thúc đẩy việc soạn thảo hiến pháp của nước Mỹ.



Kể từ năm 1492 khi Columbus phát hiện ra lục địa mới là châu Mỹ, người châu Âu bắt đầu di cư sang lục địa này.

Tháng 5 năm 1607, ba chiếc tàu thủy xuất phát từ châu Âu để tới bờ biển Virginia của Bắc Mỹ, trên các tàu là 104 hành khách người Anh.



COLUMBUS

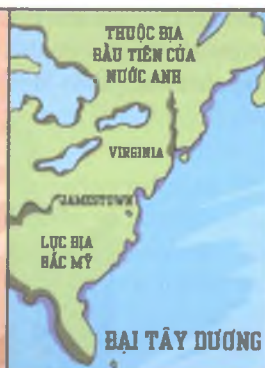


Các thuộc địa phát triển nhanh chóng

NHÌN THẦY
ĐẤT LIỀN RỒI,
ĐÓ CHÍNH LÀ
VIRGINIA Ứ?



Những người Anh đi ngược dòng sông và tới một bán đảo.



TÔI NGHE NÓI Ở ĐÓ
KHẮP NƠI ĐỀU LÀ
VÀNG VÀ ĐÁ QUÝ.
CHÚNG TA SẮP
GIÀU TO RỒI.





Đã thiếu thốn lương thực và bị bệnh tật hành hạ,
số lương người tu vong ngày một nhiều.



Một năm trôi qua, trong
104 người ban đầu chỉ còn
lại 36 người. Trong đó, số
người còn làm việc được chỉ
còn 10 người.



SAO BẠN
ĐẦU CHÚNG
TA LẠI ĐẾN
CÁI NƠI KHỈ
HỌ CÒ GÂY
NÀY LÀM
GÌ NHỈ?

THƯỢNG ĐẾ ƠI,
NGƯỜI SẮP RỜI
BỎ CHÚNG
CON Ơ?

NGUY RỒI!
NGƯỜI DA ĐỎ
ĐANG TỚI CHỖ
CHÚNG TA!





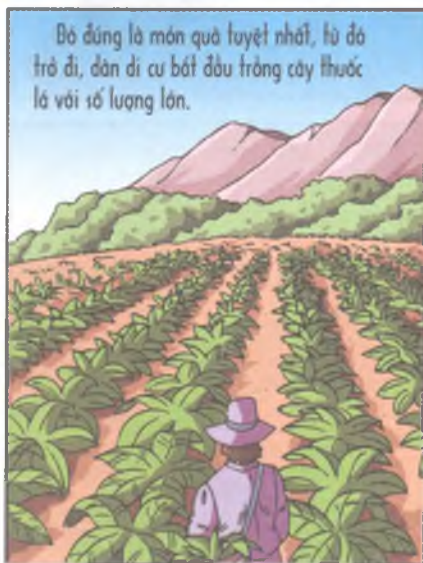


Năm 1614, một người Anh là John Rolfe kết hôn với một công chúa người da đỏ.



CHÚC MỪNG ANH, ĐÂY LÀ CHỨT QUÀ CƯỜI.

ĐÂY... ĐÂY LÀ MẦM CÂY THUỐC LÁ Ủ? CẢM ƠN ÔNG!



Bà đúng là món quà tuyệt nhất, từ đó trở đi, dân di cư bắt đầu trồng cây thuốc lá với số lượng lớn.



Thuốc lá của Virginia được chuyển về châu Âu và bán rất chạy.

NHỜ CÓ CÂY
THUỐC LÁ MÀ
CUỘC SỐNG
CỦA CHÚNG TA
ĐỂ THỎ HƠN.

DÂN
DI CƯ MỚI
ĐẾN CÙNG
NGÀY CÀNG
ĐÔNG.

NHƯNG NẾU AI
THÍCH LÀM GÌ THÌ
LÀM SẼ XẢY RA
NHIỀU TRANH CHẤP.
CHÚNG TA HÃY TỔ
CHỨC MỘT CUỘC
HỌP, MỜI CÁC LÀNG
LÂN CẬN CỬ ĐẠI
DIỆN CỦA HỌ CÙNG
THAM DỰ.

Năm 1619, đại
hội Virginia đầu tiên
được tổ chức, soạn
thảo ra pháp luật
địa phương, trở thành
khuôn mẫu cho pháp
luật của các thuộc
địa sau này.

MỌI NGƯỜI
HÃY CÙNG NHAU
SOẠN THẢO
PHÁP LUẬT
ĐỂ QUẢN LÝ.

TÁN THÀNH!
TÁN THÀNH!

Năm 1620, con tàu Mayflower
đi về phía lục địa Bắc Mỹ trong
giông bão.

Tổng số hành khách trên tàu là
102 người, chủ yếu là các tín đồ
Thanh giáo bị bức hại ở nước Anh.



Tàu Mayflower trải qua nhiều gian nan nguy hiểm,
cuối cùng đã tới bờ biển Massachusetts của Bắc Mỹ.

CHÚNG TA
ĐẾN CHÂU
LỤC MỚI
RỒI!

CHÚNG TA
SẼ XÂY DỰNG
QUỐC GIA LÍ
TƯỜNG CỦA TÍN
ĐỒ THANH GIÁO
TRÊN VÙNG ĐẤT
TỰ DO KHÔNG
CÓ ÁP BỨC
NÀY.

ĐÚNG VẬY,
VÌ THEO ĐUỔI
TỰ DO TÍN
NGƯỜNG MÀ
CHÚNG TA
TỚI ĐÂY!

CHÚNG TA
HÃY ĐỒNG TÂM
HIỆP LỰC ĐỂ
XÂY DỰNG MỘT
THIÊN ĐƯỜNG
TÍN NGƯỜNG
THUỘC VỀ MÌNH.



Trước khi các tín đồ Thanh giáo trên tàu Mayflower đổ bộ, họ đã đặt ra thỏa thuận để ràng buộc hành vi của mỗi người, tức là "Hiệp ước Mayflower".

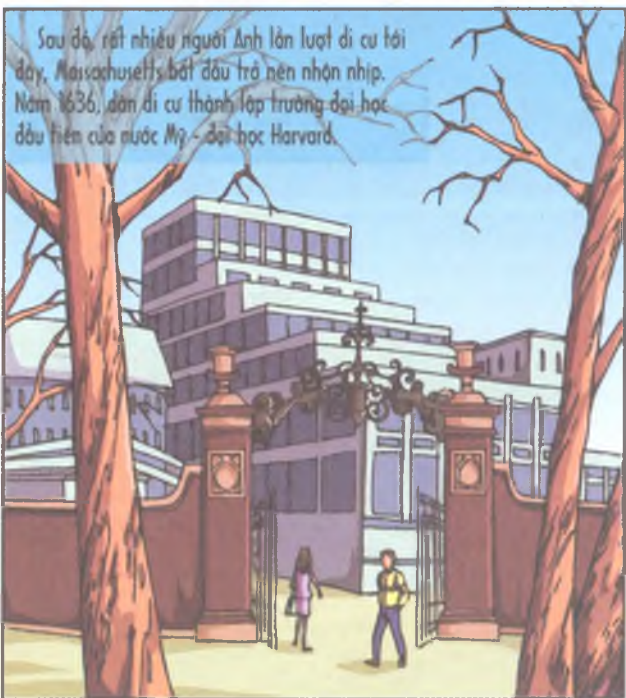
Ngày 21 tháng 12 năm 1620, các tín đồ Thanh giáo đổ bộ lên lục địa châu Mỹ, đặt tên cho vùng đất đổ bộ là Plymouth và bắt đầu cuộc sống khai hoang.

Nhưng họ cũng phải đối mặt với thử thách của châu lục mới, giá rét và bệnh tật nhanh chóng cướp đi tính mạng của hơn 50 người.

Khi đó, những người da đỏ lương thiện lại một lần nữa ra tay giúp đỡ dân di cư tiếp tục sinh tồn.



Sau đó, rất nhiều người Anh lần lượt di cư tới đây, Massachusetts bắt đầu trở nên nhộn nhịp. Năm 1636, dân di cư thành lập trường đại học đầu tiên của nước Mỹ - đại học Harvard.



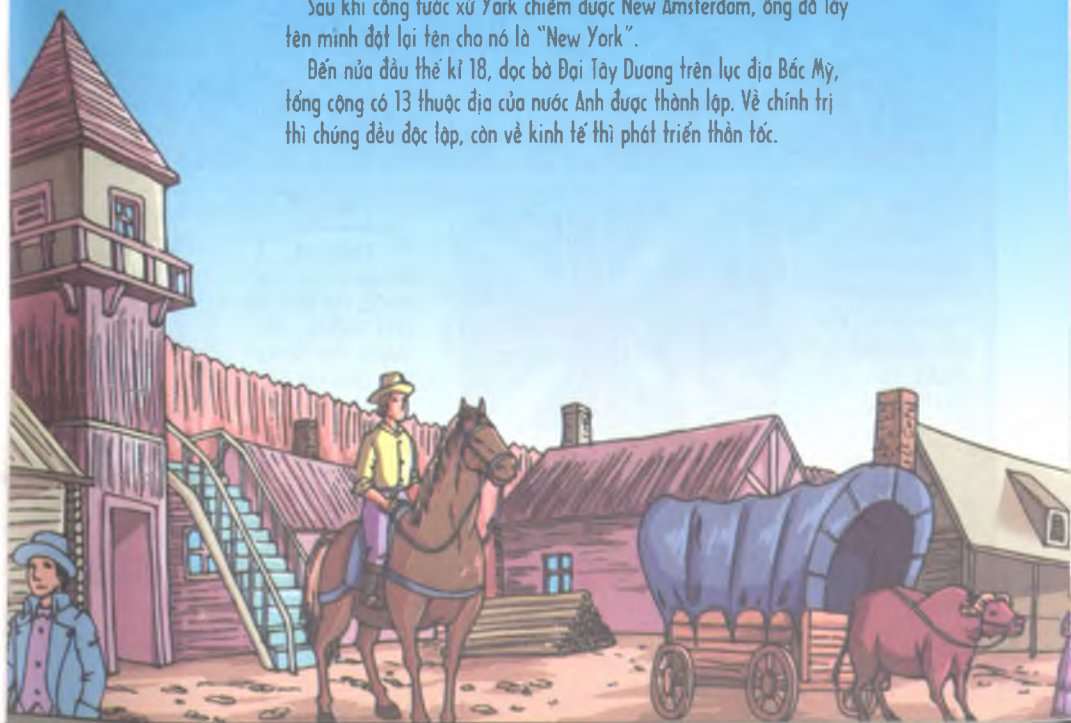
Năm 1639, dân di cư đã triệu tập hội nghị tại Connecticut, soạn thảo ra "Luật cơ bản Connecticut". Đây là bộ luật đầu tiên được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa dân chủ.





Sau khi công hước xứ Yark chiếm được New Amsterdam, ông đã lấy tên mình đặt lại tên cho nó là "New York".

Đến nửa đầu thế kỉ 18, dọc bờ Đại Tây Dương trên lục địa Bắc Mỹ, tổng cộng có 13 thuộc địa của nước Anh được thành lập. Về chính trị thì chúng đều độc lập, còn về kinh tế thì phát triển thần tốc.



Số dân di cư của nước Anh ngày càng đông, vượt xa rất nhiều so với nước Pháp vốn bắt đầu chế độ thuộc địa muộn hơn. Năm 1753, giữa hai nước Anh - Pháp xảy ra tranh chấp về thuộc địa. Nước Pháp điều quân từ Canada xuống phía Nam, thành lập căn cứ quân sự ở Virginia và Ohio.

Chiến tranh giành độc lập nổ ra

NƠI NÀY LÀ
LÃNH ĐỊA CỦA
QUÂN ANH,
HÃY LẬP TỨC
ĐỔ BỎ CĂN
CỦ CỦA CÁC
NGƯỜI!

NƠI BÂY,
NƠI NÀY THUỘC
VỀ NƯỚC PHÁP,
KẸ NÊN CUỐN
XÉO LÀ CÁC
NGƯỜI!

QUÂN
CỨU VIỆN CỦA
CHÚNG TA DO
TƯỚNG EDWARD
BRADDOCK DẪN
ĐẦU ĐÃ XUẤT
PHÁT TỪ
MẪU QUỐC.

Năm 1754, hai nước Anh - Pháp
khai chiến.
THIỆU TÁ
WASHINGTON CỦA
THUỘC ĐỊA SẼ LÂM
PHÓ TƯỚNG, TIỀN
HÀNH TẤN CÔNG
CÁC CĂN CỨ CỦA
QUÂN PHÁP!



TƯỚNG BRADDOCK,
QUÂN PHÁP CÓ NGƯỜI
DA ĐỎ GIÚP ĐỠ, KHI ĐỒI
PHÓ VỚI HỌ CẦN THẬN
TRỌNG, KHÔNG THỂ
DÙNG CHIẾN THUẬT
THƯỜNG THƯỜNG.

THIỆU TẢ WASHINGTON
CỦ YÊN TÂM, CHÚNG TÔI
LÀ QUÂN CHÍNH QUY
ĐƯỢC ĐÀO TẠO BÀI
BẮN, KHÔNG GIỐNG
NHƯ ĐỘI QUÂN
HỒN TẬP CỦA
THUỘC ĐỊA.

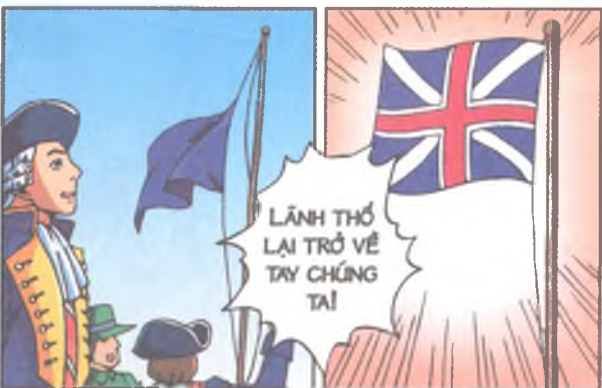
Cuộc chiến giữa quân Anh với liên quân Pháp - da đỏ
mở màn. Quả nhiên không ngoài dự đoán của Washington,
quân Anh hùng dũng tiến vào thì gặp phải trận phục kích
của người da đỏ, bỏ chạy lộn tặc, lộn thất mạng nề.

Nhưng Washington lại lập
công lớn trong trận đánh này.
Ông dẫn dắt những binh sĩ
còn lại đột phá vòng vây
lập nên kì tích.

CHÍNH PHỦ NƯỚC
ANH KHÔNG HIỂU
GÌ VỀ THUỘC ĐỊA.

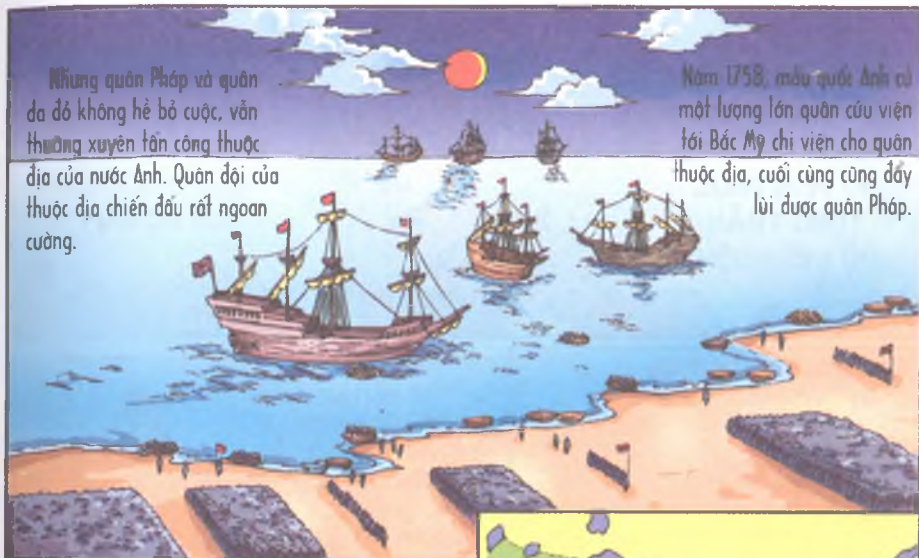
ĐÚNG THỀ, CHÚNG TA
PHẢI TỰ ĐỨNG LÊN
BẢO VỆ VÙNG ĐẤT
CỦA MÌNH!

HÃY BẦU
WASHINGTON
LÀM TƯỚNG!



Những quân Pháp và quân
đà đỏ không hề bỏ cuộc, vẫn
thường xuyên tấn công thuộc
địa của nước Anh. Quân đội của
thuộc địa chiến đấu rất ngoan
cường.

Năm 1758, mẫu quốc Anh cử
một lượng lớn quân cứu viện
tới Bắc Mỹ chỉ viện cho quân
thuộc địa, cuối cùng cùng đẩy
lùi được quân Pháp.



THÔI ĐƯỢC,
NƯỚC PHÁP
CHÚNG TÔI
THỪA NHẬN
ĐÃ THUA.

TẤT CẢ
THUỘC ĐỊA
CỦA PHÁP TRÊN
TÂN LỤC ĐỊA
ĐỀU NHƯỜNG
LẠI CHO NƯỚC
ANH CÁC NGÀI.



TRONG TƯƠNG LAI
CÁC THUỘC ĐỊA NÀY
SẼ PHÁT TRIỂN MẠNH.

NHƯNG CƯ DÂN TẠI THUỘC ĐỊA
CHƯA ĐƯỢC TRẨM CHO PHÉP
ĐÃ TỰ MÌNH SOẠN THẢO
VÀ PHỔ BIẾN PHÁP LUẬT.
THẬT QUÁ QUẤT!

VUA ANH
GEORGE III



TÂN LỤC ĐỊA
CHẲNG QUA CHỈ
LÀ THUỘC ĐỊA
CỦA NƯỚC ANH,
HỌ PHẢI PHỤC
TỪNG TRĂM
VÔ ĐIỀU KIỆN.

CHI PHÍ QUÂN ĐỘI
CHO CUỘC CHIẾN
VỚI PHÁP SẼ LẤY
TIỀN THUẾ THU TỪ
DÂN THUỘC ĐỊA
ĐỂ BÙ ĐÁP!



SỜ ĐẶC BIỆT!
SỜ ĐẶC BIỆT!
CHÍNH PHỦ ANH
SẼ TIẾN HÀNH ÁP
TEM THUẾ VỚI
CHÚNG TÔI

Năm 1765, chính phủ Anh thông
qua nội dung đạo luật tem thuế mới...

TEM
THUẾ
LÀ
SAO?

NGHĨA LÀ
TRÊN TẤT CẢ
CÁC LOẠI CÔNG
VĂN, BẢO CHÍ,
KHÊ ƯỚC ĐỀU
PHẢI DÁN TEM
THUẾ LÊN.

THÈ
TEM
THUẾ
LÀ GÌ?

THỬ GIỐNG NHƯ
CON TEM DO
CHÍNH PHỦ ANH
PHÁT HÀNH, LÀ
BẰNG CHỨNG
DẪ NỘP THUẾ.

CHÍNH PHỦ ANH THU THUẾ CỦA
CHÚNG TA KHẮP NƠI, RÕ RÀNG
LÀ HỌ MUỐN BÒN RÚT TÚI TIỀN
CỦA CHÚNG TA, KHÔNG THỪA
NHẬN TỰ DO CỦA THUỘC ĐỊA!

THẬT
QUÁ
ĐÁNG!

Do bị dân di cư phản đối quyết liệt, chính phủ Anh đã xóa bỏ tem thuế, nhưng tiếp đó lại bắt đầu thu thuế trà – một nhu yếu phẩm trong sinh hoạt. Những hành vi và vết ngày một trắng trợn hơn đã làm dấy lên phong trào đấu tranh giành độc lập ở thuộc địa.



TRONG NGHỊ
VIỆN NƯỚC
ANH ĐỀU CÓ
ĐẠI BIỂU CỦA
CHÚNG
TA.



ĐÚNG VẬY, VÌ THỂ
CHÚNG TA KHÔNG
THỪA NHẬN PHÁP
LUẬT VÀ THUẾ KHÓA
DO HỌ ĐẶT RA!

CHÚNG TA PHẢI
ĐẤU TRANH,
KHÔNG MUA
HÀNG HÓA CỦA
NƯỚC ANH
NỮA.



ĐÚNG, HÃY ĐỂ
HÀNG HÓA CỦA
THƯƠNG GIA
ANH MỤC NÁT
TRONG KHO!

Sau đó, giữa quân Anh đồn trú tại thuộc địa và cư dân thuộc địa liên tục xảy ra tranh chấp.



◀ Hình vẽ khôi phục kết cấu ban đầu của con tàu Mayflower chở 102 người Anh tiến về phía châu Mỹ vào năm 1620.



Tháng 3 năm 1770, trong cuộc xung đột với dân di cư, quân Anh đồn trú tại Boston đã nổ súng bắn chết dân thường vô tội.



Ngày 16 tháng 12 năm 1773, tại cảng Boston



ĐÓ CHÍNH
LÀ CON TÀU
CHỜ TRÀ
CỦA CÔNG
TI ĐÔNG ÂN
NƯỚC ANH.

TUYỆT ĐỐI
KHÔNG THỂ
ĐỂ TRÀ CỦA
HỌ TỚI CHỖ
CHÚNG TA!



CHÚNG TA
LÊN TRÈO LÊN
TÀU, ĐỔ HẾT
TRÀ XUỐNG
BIỂN NHÉ!

LÀM CHO
NƯỚC CẢNG
BOSTON
TRÀN NGẬP
MÙI TRÀ
THƠM. Ý NÀY
HAY ĐÂY!





CHÚNG
TA CÁI
TRANG
GIỚI THẬT!

TOÀN LÀ
NGƯỜI DA
ĐỎ THẬT
THÀ, CHẤT
PHÁC CẢ.

SUYT!
KHẼ THỜI
KÉO BỊ
PHÁT
HIỆN!

ĐỒ TÀI!
QUẢNG HẾT
XUỐNG
BIỂN ĐI!

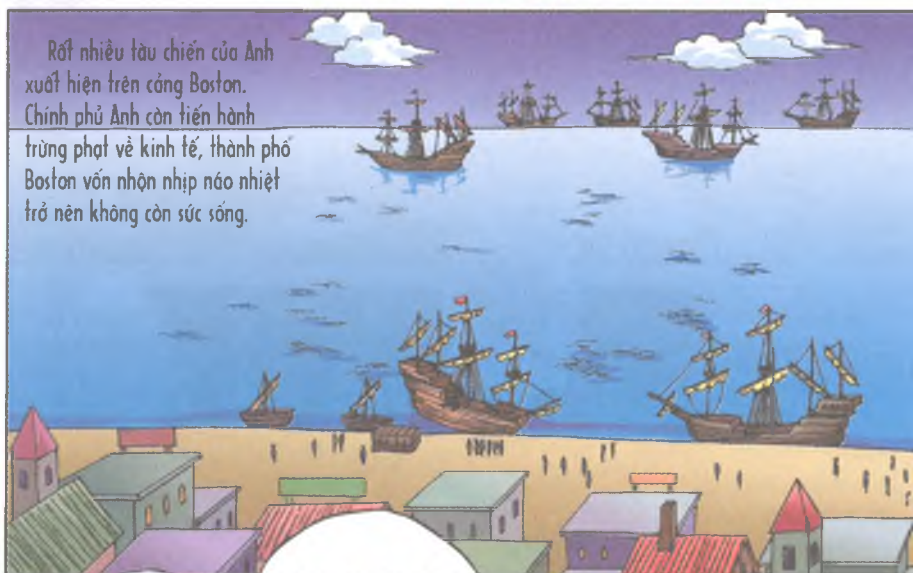
HA HA HA!
TRÒ NÀY
HAY THẬT
ĐẸP!

Đêm hôm đó,
50 cư dân thành
phố Boston hóa
trang thành người
da đỏ treo lên
tàu buôn của
Anh, quảng toàn
bộ 343 kiện trà
xuống biển, sử gọi
là "bữa tiệc trà ở
Boston".



Những sự kiện tương tự cũng
xảy ra tại cảng New York, một
số tàu hàng bằng dung bị bốc
cháy một cách kì lạ, vì thế lái
buôn Anh bị tổn thất nặng nề.











Sáng sớm ngày 19 tháng 4 năm 1775, để tịch thu số vũ khí mà dân di cư cất giấu, 800 quân Anh tiến về Concord. Khi quân Anh đi ngang qua làng Lexington, họ gặp phải trận phục kích của hơn 50 người dân. Hai bên bắn nhau, tiếng súng giòn giã tại Lexington đã mở màn cho cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ.



PẦNG PẦNG...



CHỈ CÓ 50 TÊN MÀ
CŨNG DẪM THÁCH THỨC
QUÂN CHÍNH QUY CỦA
NƯỚC ANH! HÃY TIÊU
DIỆT CHÚNG!

Trận giao chiến lần này
chỉ kéo dài 10 giờ đồng hồ,
8 người dân thiệt mạng,
những người còn lại thì
nhẹ nhàng rút lui.

Nhưng khi tiến vào Concord thì quân Anh lại bị quân du kích thuộc địa mai phục và tấn công bằng hỏa lực.



KẾ THỦ TRONG BÓNG TỐI, CHÚNG TA Ở NGOÀI SÁNG, TRẬN ĐỊA RỐI LOẠN, KHÔNG THỂ TIẾP TỤC ĐÁNH TRẬN NÀY NỮA!



ĐỒ KHỐN!
RÚT LUI,
MAU RÚT
LUI!



800 quân Anh chạy tan tác và nhanh chóng rút về Boston.



Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập bắt đầu ít lâu, ngày 10 tháng 5 năm 1775, quốc hội lục địa lần thứ hai được tổ chức tại Philadelphia.

Tất cả dân thuộc địa đều cử đại biểu tham dự. Washington vẫn là đại biểu của Virginia tham dự quốc hội.



Hợp chúng quốc được thành lập



Đại biểu của Virginia còn có thêm Thomas Jefferson.



Benjamin Franklin là đại biểu của Pennsylvania.



VÌ TỰ DO,
CHÚNG TA CHỈ
CÒN CÁCH TIẾP
TỤC CẦM SÚNG
CHIẾN ĐẤU.

ĐÚNG VẬY,
HOẶC LÀ TỰ
DO HOẶC LÀ
CHẾT!



TÔI ĐỀ NGHỊ BẦU NGÀI
WASHINGTON LÀM TỔNG
TƯ LỆNH CỦA QUÂN
THUỘC ĐỊA!





Quân lục địa thể hiện rất xuất sắc, trong trận đánh ở đồi Bunker, đại bác hòa lực mạnh của quân lục địa khiến cho quân Anh gần như không thể tiến lên, số người chết lên tới hơn 1.000 người.



CHẾT THẬT!
HẾT ĐẠN RỒI,
MAU ĐƯA
TÔI MỘT ÍT!

TÔI CŨNG
CHỈ CÒN
2 VIÊN.

ĐÁNG GHÉT! NẾU
ĐẠN DƯỢC ĐÂY ĐỦ
THÌ CHÚNG TA CÓ
THỂ ĐÁNH CHO
QUÂN ANH
TỚI BỜ!



HẾT CÁCH RỒI
QUÂN LỤC ĐỊA
RÚT LUI!



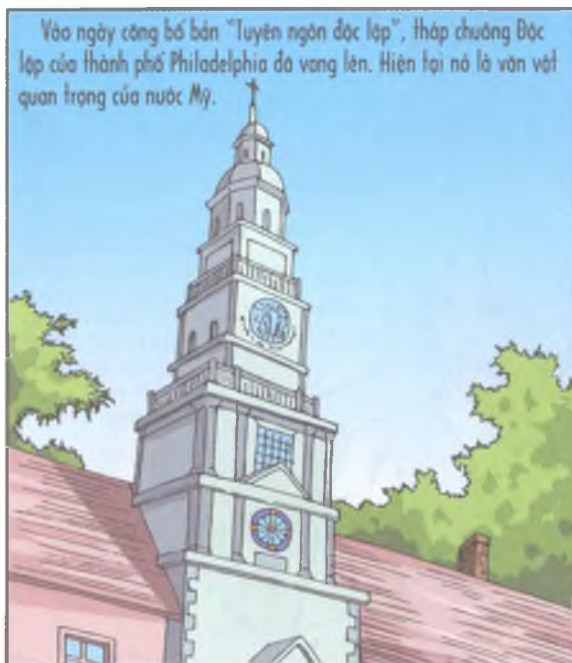
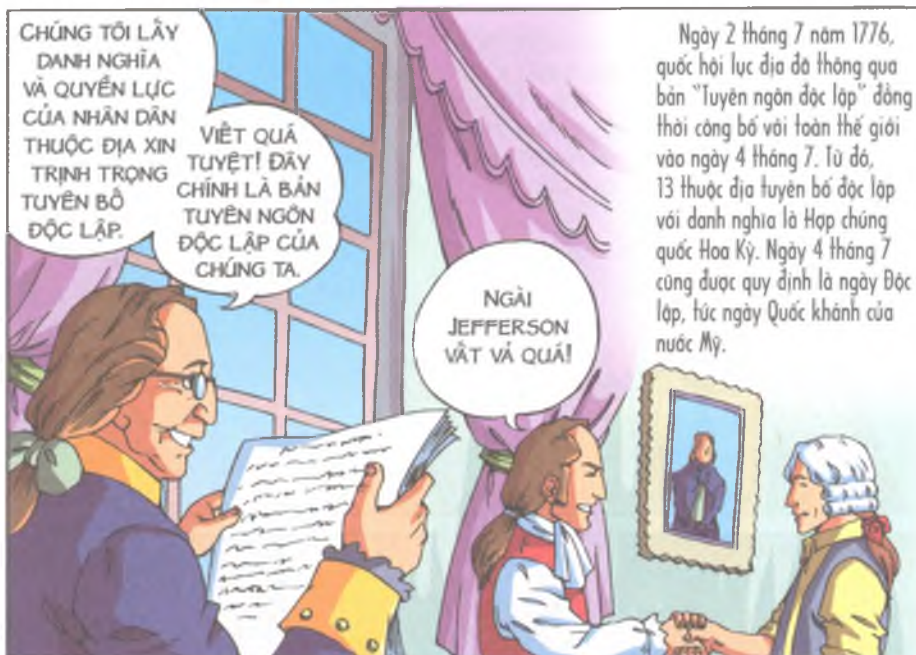
Trong trận đó, quân lục địa hi sinh 400 người.











Ít lâu sau, nước Anh
cử 30.000 quân tấn công
New York. Quân Mỹ ít ỏi
không địch nổi số đông
nên từng bước rút lui.



Washington dẫn số quân còn
lại vừa rút lui vừa chiến đấu.
Khi tới Pennsylvania, quân Mỹ
còn lại không nhiều.



QUÂN MỸ
THIU THỎN
VŨ KHÍ VÀ
LƯƠNG THỰC
NGHIÊM TRỌNG,
THẬM CHÍ NGAY
CẢ CHÂN ẤM
ĐỂ CHỐNG RẾT
CŨNG KHÔNG CÓ.

CHĂNG
BAO LÂU NỮA
TA CÓ THỂ
TIÊU DIỆT
BỌN CHÚNG,
HA HA HA!



Tháng 6
năm 1776

ĐÂY LÀ CỜ CỦA QUÂN HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ! 13 SỌC VÀ 13 NGÔI SAO TƯỢNG TRƯNG CHO SỔ BANG CỦA CHÚNG TA. MÀU ĐỎ TƯỢNG TRƯNG CHO SỰ DŨNG CẢM, MÀU TRẮNG TƯỢNG TRƯNG CHO SỰ THUẦN KHIẾT, MÀU XANH LAM TƯỢNG TRƯNG CHO ƠN HUỆ CỦA CHÚA. THÊ NÀO, RẤT THIẾT THỰC PHẢI KHÔNG?

CHÚNG
TA PHẢI
BẢO
VỆ ĐẤT
NƯỚC!

TÔI BỒNG DUNG
CẢM THẤY NIỀM
TIN TĂNG LÊN
GẤP BỘI!

NGÀI TỔNG
TƯ LỆNH, ĐÓ LÀ
CỜ GÌ VẬY?

DÙ MỖI NGÀY
CHỈ ĐƯỢC ĂN MỘT
CHIẾC BÁNH MÌ, UỐNG
NƯỚC LẠ, CHÚNG TA
CŨNG PHẢI KIÊN
TRÌ ĐẾN
CÙNG.

CHO DÙ QUẦN ÁO VÀ
CHẦN MÀN RÁCH NÁT
KHÔNG MÀN NGĂN ĐƯỢC
GIÁ RẾT, CHÚNG TA
CŨNG KHÔNG THỂ
BUÔNG XUÔI.

ĐÚNG VẬY, MỌI
NGƯỜI XEM KÌA,
TỔNG TƯ LỆNH
WASHINGTON CŨNG
CHỊU KHỔ CÙNG
VỚI CHÚNG TA.

Washington không ở trong doanh
trại của sĩ quan mà kiên trì đồng
cam cộng khổ với các binh sĩ.

Trong lễ Giáng sinh năm đó,
quân Mỹ đã tập kích Trenton -
nơi do binh lính người Đức đánh
thuê cho nước Anh canh gác.

HỌ SẼ KHÔNG NGỜ
CHÚNG TA BẮNG
QUA DÒNG SÔNG
ĐẨY NHỮNG TÀNG
BĂNG NỔI ĐỂ TẬP
KÍCH HỌ.

Trong trận đó, quân Mỹ chiến thắng,
không những bắt nhiều kẻ thù làm tù binh
mà còn thu được đủ số vũ khí và đạn dược.

Song song với
việc đó, Benjamin
Franklin tới nước
Pháp xin chi viện.

CHÚNG TÔI
CẦN CÁC
NGÀI GIÚP
ĐỠ!

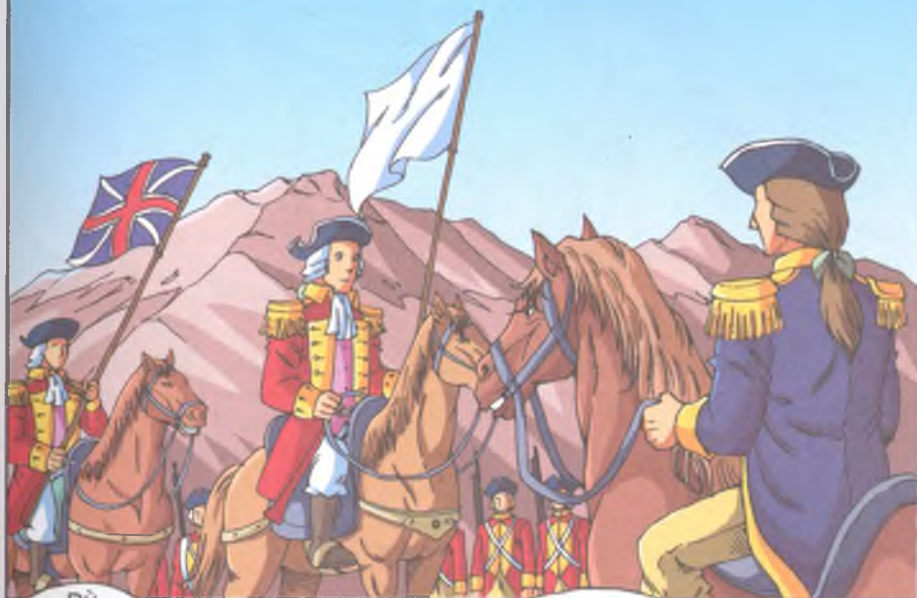
Khi đó, quân Mỹ do Washington dẫn đầu tuy thiếu
thốn vật chất nhưng vẫn kiên trì chiến đấu, liên tục
gây tổn thất cho quân Anh.

**XÔNG
LÊN!**

**XÔNG
LÊN!**



Tháng 10 năm 1777, đại chủ lực của quân Anh rút khỏi New York, chuyển mặt trận sang Canada hùng tấn công Saratoga từ phương Bắc, nhưng lại bị quân Mỹ đánh bại nên kéo cờ trắng đầu hàng.



DÙ
CHÚNG TA ẪN
KHÔNG ĐỦ NÓ,
MẶC KHÔNG ĐỦ
ẦM NHƯNG VẪN
CHIẾN THẮNG
QUÂN ANH.



QUÂN MỸ
CHIẾN ĐẤU VÌ
TỰ DO LÀ
VÔ DỊCH!



NGÀI FRANKLIN,
NƯỚC PHÁP CHÚNG
TÔI MUỐN LIÊN MINH
VỚI HOA KỲ, ĐỒNG
THỜI VIỆN TRỢ CHO
CÁC NGÀI.



VÔ CÙNG
CẢM ƠN
BỆ HẠ.



Thế nhưng khi đó, tin tức Pháp
liên minh với Mỹ vẫn chưa tới chỗ
Washington.

TUY VẬT CHẤT VẪN
THiếu THỎN NHƯNG
CỤC DIỆN CUỘC
CHIẾN ĐÃ BẮT ĐẦU
XOAY CHUYỂN. CÁC
BINH SĨ NGÀY CÀNG
ĐOÀN KẾT.

NHƯNG NẾU
KHÔNG GIÀNH
ĐƯỢC THẮNG LỢI
NGAY LẬP TỨC THÌ
TÌNH HÌNH PHE TA
SẼ KHÔNG LẠC
QUAN.



Mùa đông giá rét vô tình cướp
đi tính mạng của nhiều người...



Cho tới tháng 5,
Washington mới nhận
được tin nước Pháp
sẵn sàng viện trợ.

Gì cơ? NƯỚC PHÁP
ĐỒNG Ý LIÊN MINH VỚI
CHÚNG TA, ĐỒNG THỜI CÙNG
CẤP TIỀN BẠC, TRANG BỊ
VÀ QUÂN ĐỘI ư?





Năm 1781, quân Mỹ triển khai trận
quyết chiến với quân Anh tại Yorktown.



BẮN! BẮN!
CHIẾN THẮNG
Ở NGAY TRƯỚC
MẮT RỒI!

QUÂN ANH
KHÔNG THỂ
PHẢN CÔNG
NỮA! ĐÁNH BẠI
CHỨNG LUẬN,
ANH EM ƠI!



Ngày 19 tháng 10 năm 1781

HÀ?
NGỪNG
BẮN!

MỌI NGƯỜI
NHÌN KÌA,
HỌ KÉO CỜ
TRẮNG RỒI!

HỢP CHÚNG
QUỐC HOA
KỲ MUỐN
NĂM!

QUÂN ANH
ĐÃ ĐẦU
HÀNG!

HOA KỲ
CHÚNG TA
THẮNG RỒI!

HOAN HỒ!

Trong khi đó,
tại nước Anh...

SAO CÓ
THỂ THỂ
ĐƯỢC?

QUÂN ĐỘI ANH
MẠNH NHẤT THẾ
GIỚI MÀ LẠI BỊ QUÂN
HỖN TẬP Ở THUỘC
ĐỊA ĐÁNH BẠI
Ư?



Năm 1783, hai nước Anh - Mỹ kí kết hiệp ước tại Paris, nước Anh chính thức thừa nhận nền độc lập của nước Mỹ.



Hiến pháp Hoa Kỳ ra đời



Khu vực màu xanh tương trưng cho 13 tiểu bang thuộc địa của Anh thời kì đầu, cùng với khu vực màu đỏ ở bên trái được xác định là lãnh thổ của nước Mỹ trong "Hiệp ước Paris" năm 1783.



Trong thời kì đầu độc lập, 13 tiểu bang thuộc địa đều có chính phủ riêng, hình thành liên minh lỏng lẻo.

Chính phủ hợp bang không có đủ nguồn lực tài chính, chỉ tồn tại về hình thức. Để trừ bớt gánh nặng chiến tranh, chính phủ phát hành tiền giấy với số lượng lớn, các tiểu bang đặt ra chế độ thuế khóa nặng nề. Vật giá tăng vọt dẫn tới tiền giấy nhanh chóng lạm phát.



ANH CHUẨN BỊ BẮN TOÀN BỘ ĐẤT ĐAI VÀ CẢ THANH KIỂM KIA...

THANH KIỂM KIA LÀ MÓN QUÀ CỦA TƯỚNG PHÁP LA FAYETTE DÂY.

VẬT GIÁ LẠI LÊN CAO, KHÔNG CÒN TIỀN ĐỂ SỐNG NỮA... THU NHẬP CẢ NĂM CÒN KHÔNG ĐỦ ĐỂ NỘP THUẾ...



DANIEL SHAYS











Quần khởi nghĩa bị tấn công ở lại, còn Shays bị bắt giam vào ngục.



SHAYS
ÂM MƯU
ĐÌNH LẬT ĐỔ
CHÍNH PHỦ, BỊ
TUYÊN ÁN
TỬ HÌNH!



THỦ TƯỚNG
WASHINGTON,
CUỘC KHỞI
NGHĨA SHAYS
ĐÃ BỊ DÀN ÁP.

NHƯNG RẤT
NHIỀU NGƯỜI
DÂN CỦA BANG
YÊU CẦU PHÒNG
THÍCH SHAYS.



CHÍNH PHỦ HỢP
BANG NHƯ NHƯỢC
MÀ! MẶT TIÊU
CỤC CỦA CHẾ ĐỘ
HỢP BANG DẪN
DẪN LỘ RỎ,
VIỆC CẢI
CÁCH VÔ
CÙNG CẤP
BÁCH.



Ngày 28 tháng 9 năm 1787,
tại Philadelphia.

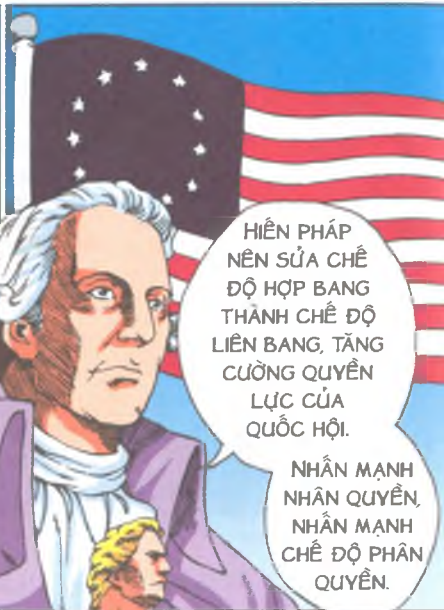


ĐÚNG! CHÚNG
TA NÊN SOẠN
THẢO RA MỘT
ĐẠO LUẬT
THÀNH VĂN BẢN
LÀM BỘ LUẬT
TỐI CAO CỦA
QUỐC GIA.



HIẾN PHÁP
NÊN SỬA CHẾ
ĐỘ HỢP BANG
THÀNH CHẾ ĐỘ
LIÊN BANG, TĂNG
CƯỜNG QUYỀN
LỰC CỦA
QUỐC HỘI.

NHẤN MẠNH
NHÂN QUYỀN.
NHẤN MẠNH
CHẾ ĐỘ PHÂN
QUYỀN.



Cuộc khởi nghĩa Shays đã gióng lên hồi
chuông về thể chế hiến chương của nước Mỹ.



Dưới áp lực của nhân dân, Shays
được phóng thích một năm sau đó.



Năm 1787, tại Philadelphia khai mạc hội nghị hiến pháp, soạn thảo ra "Hiến pháp Hoa Kỳ".

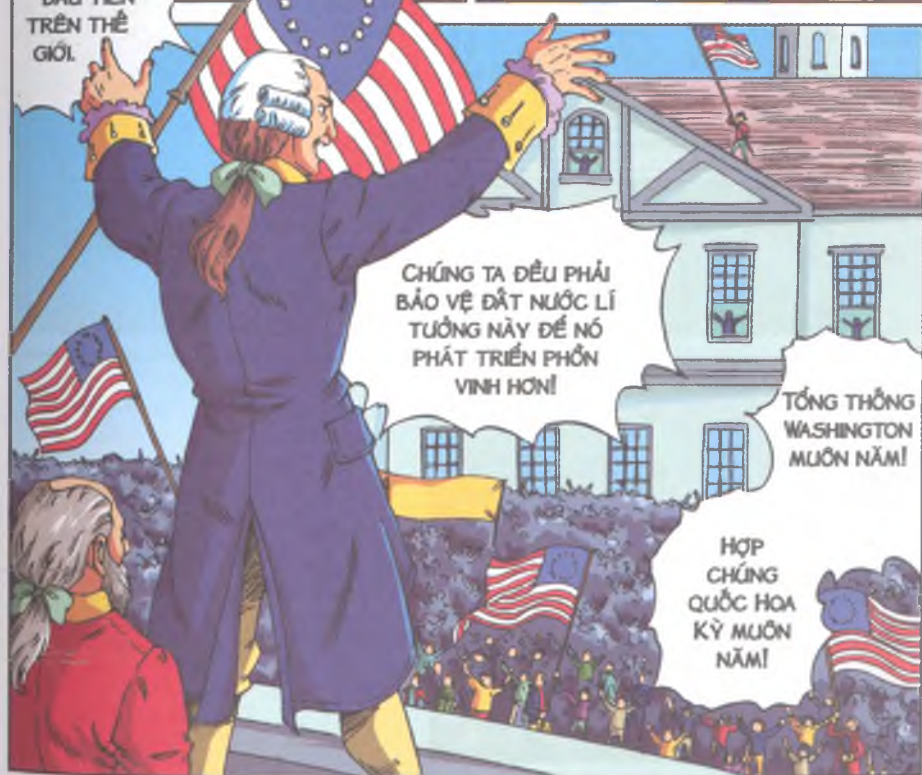


CHÚNG TA
SẼ TRỞ THÀNH
QUỐC GIA TỰ
DO DÂN CHỦ
ĐẦU TIÊN
TRÊN THẾ
GIỚI

Năm 1789, theo hiến pháp mới, Washington được bầu làm tổng thống đầu tiên của Hoa Kỳ.



TRÁI QUA
CUỘC ĐẤU TRANH
LÂU DÀI VÀ GIAN
KHỐ, CUỐI CÙNG
CHÚNG TA ĐÃ
GIÀNH ĐƯỢC ĐỘC
LẬP VÀ TỰ DO!



CHÚNG TA ĐỀU PHẢI
BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC LÍ
TƯỜNG NÀY ĐỂ NÓ
PHÁT TRIỂN PHỒN
VINH HON!

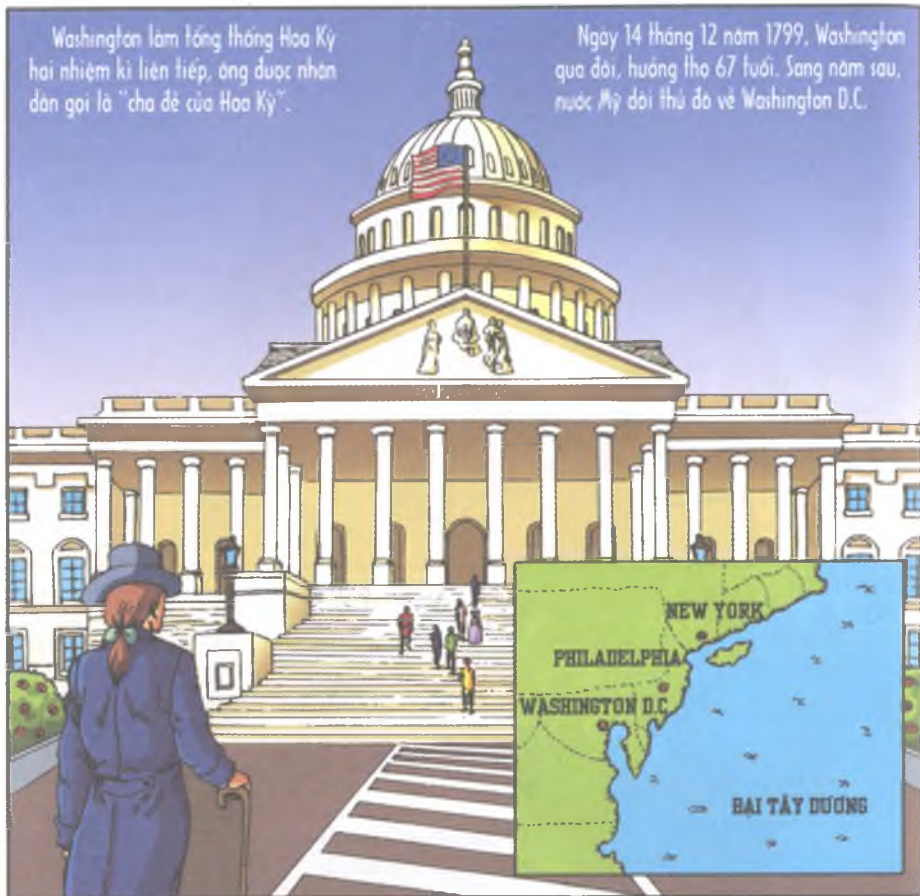
TỔNG THỐNG
WASHINGTON
MUỐN NĂM!

HỢP
CHÚNG
QUỐC HOA
KỲ MUỐN
NĂM!



Washington làm tổng thống Hoa Kỳ hai nhiệm kỳ liên tiếp, ông được nhân dân gọi là "cha đẻ của Hoa Kỳ".

Ngày 14 tháng 12 năm 1799, Washington qua đời, hưởng thọ 67 tuổi. Sang năm sau, nước Mỹ dời thủ đô về Washington D.C.



Tòa nhà quốc hội Hoa Kỳ là một thắng cảnh quan trọng tại Washington D.C. Đây là cảnh ban đêm tuyệt đẹp của nó.

Sự phát triển của nước Mỹ

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA LỊCH SỬ BỞI TÔI

Từ đầu thế kỉ 17 đến giữa thế kỉ 18, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa dọc bờ Đại Tây Dương thuộc Bắc Mỹ, không chỉ liên kết các thuộc địa với nhau về mặt địa lí, mà đa số người dân đều nói cùng một ngôn ngữ - đó là tiếng Anh, hơn nữa trọng điểm phát triển kinh tế giữa miền Bắc và miền Nam có thể bổ trợ cho nhau, mâu dịch nhốn nhập. Về mặt văn hóa cũng có hiện tượng đồng hóa - đó là sự ảnh hưởng lẫn nhau của những người cùng chung khu vực, ngôn ngữ và văn hóa, thúc đẩy sự hình thành dân tộc Hoa Kỳ.

Do mâu thuẫn giữa các thuộc địa với nước Anh ngày càng gay gắt, cuộc chiến giành độc lập của Bắc Mỹ đã nổ tiếng súng đầu tiên tại làng Lexington vào ngày 19 tháng 4 năm 1775. Tháng 7 năm 1776, bản "Tuyên ngôn độc lập" được quốc hội lục địa Bắc Mỹ biểu quyết thông qua đã cổ vũ rất lớn tinh thần đấu tranh của nhân dân. Nhờ trận thắng ở Saratoga và Yorktown, nhân dân Bắc Mỹ đã giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh

giành độc lập vào tháng 10 năm 1781.

Sau tin vui từ trận Saratoga, quốc hội lục địa đã thông qua hiến pháp quốc gia theo chế độ hợp bang do 13 tiểu bang độc lập hợp thành, được gọi là "Các điều khoản hợp bang". Thế nhưng cho tới tháng 3 năm 1791 mới được các tiểu bang hoàn thành việc phê chuẩn, quốc hội lục địa tuyên bố "Các điều khoản hợp bang" có hiệu lực. Tới thời điểm đó, một quốc gia mới đã ra đời ở lục địa Bắc Mỹ - đó là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Năm 1786, nước Mỹ nổ ra cuộc khởi nghĩa Shays. Chính nó thúc đẩy nước Mỹ soạn thảo "Hiến pháp Hoa Kỳ" vào năm sau đó.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập và sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ là phong trào giải phóng dân tộc lần thứ nhất của lục địa Bắc Mỹ, nó cũng có ảnh hưởng sâu rộng tới châu Âu và Mỹ La tinh.

Người da đỏ ở Bắc Mỹ

Tháng 10 năm 1492, Columbus dẫn đầu đội tàu đặt chân lên châu Mỹ, nhưng ông tưởng rằng mình đã đến Ấn Độ, cho nên gọi cư dân nơi này là người Indian (nghĩa là người Ấn Độ), hay còn gọi là người da đỏ.

Người da đỏ là những cư dân đầu tiên của châu Mỹ. Vào cuối thế kỉ 15 trước khi thực dân châu Âu có mặt, nhiều thế hệ người da đỏ đã sinh sống tại đây. Tổ tiên của họ là chủng tộc Mongoloid từ 20.000 năm trước vượt qua eo biển Bering di cư tới châu Mỹ. Tuy do khác biệt về môi trường sinh thái mà sinh ra nhiều tộc người hoặc bộ lạc da đỏ khác nhau, nhưng họ đều có chung một đặc điểm về ngoại hình là: da màu nâu sẫm hoặc màu nâu vàng, đôi mắt sâu và màu đen, tóc đen và dài, xương quai xanh gồ lên, khuôn mặt phẳng dẹt...

Trong lịch sử, người da đỏ sống kiểu du mục trên vùng đồng bằng châu Mỹ. Đa số họ sử

dụng rìu, giáo và cung tên, sống dựa vào việc săn bắn bò rừng, bắt cá. Những bộ lạc người da đỏ sống trong rừng sâu cũng đã phần sống nhờ vào săn bắn, có bộ lạc thì trồng ngô và thuốc lá.

Người da đỏ từng có trình độ cao về các lĩnh vực như thiên văn, lịch sử, địa lí, canh nông, dệt vải... Nền văn minh Aztec, văn minh Maya, văn minh Inca... do họ sáng tạo ra đều chiếm vị trí vô cùng quan trọng trong lịch sử văn minh thế giới.

Nền văn hóa của người da đỏ ảnh hưởng sâu sắc tới văn hóa nước Mỹ. Rất nhiều địa danh của nước Mỹ, chẳng hạn như "Massachusetts", "Ohio"... đều có nguồn gốc từ tiếng da đỏ.

Ngày nay, châu Mỹ có khoảng hơn 500 bộ lạc người da đỏ, không ít trong số đó vẫn sống như thời nguyên thủy.



Tàu Mayflower

"Mayflower" là một con thuyền buồm đóng bằng gỗ, nó được đặt theo tên một loài hoa dại ở lục địa châu Mỹ. Tổng chiều dài của tàu là 27 m, mớn nước 7,6 m, trọng tải 180 tấn. Mayflower được coi là con tàu đầu tiên của dân di cư Anh đi tới Bắc Mỹ. Nhóm dân di cư khi đặt chân lên Bắc Mỹ đã thành lập thuộc địa Plymouth, từ đó mở màn cho phong trào di cư sang châu Mỹ với quy mô lớn.

Tháng 8 năm 1608, để tránh khỏi bị áp bức tôn giáo, một nhóm tín đồ Thanh giáo ở nước Anh đã đi tới Hà Lan để lánh nạn. Về sau, một nhóm nhỏ trong số họ quyết định di cư tới Bắc Mỹ. Tháng 9 năm 1620, dưới sự dẫn dắt của mục sư Brest, 102 hành khách đi trên con tàu Mayflower tới Bắc Mỹ, trong số đó có rất nhiều tín đồ Thanh giáo, những người còn lại là thợ nghề, ngư dân, nông dân nghèo khổ.

Ngày 21 tháng 11 cùng năm, tàu Mayflower cập bến tại mũi Cod (thành phố Barnstable,

Massachusetts, nước Mỹ ngày nay), hơn một tháng sau, họ lên bờ tại vùng cảng Plymouth ở phía Nam Boston. Trước khi lên bờ, lãnh tụ của các tín đồ Thanh giáo tổ chức soạn thảo "Hiệp ước Mayflower" nổi tiếng để ràng buộc mọi người cùng tuân thủ, có 41 người đàn ông trưởng thành kí tên vào đó. Nội dung của hiệp ước này bao gồm: Tổ chức các đoàn thể công dân, soạn thảo ra pháp luật, pháp lệnh, các quy định và điều khoản công bằng.

Năm 1957, nước Anh đã đóng tàu Mayflower II để làm quà lưu niệm tặng cho nước Mỹ. Năm 1995, thành phố Plymouth của Mỹ quyết định phục chế tàu Mayflower để làm biểu tượng phát triển của cộng đồng dân di cư Plymouth. Con tàu này hiện tại neo đậu bên bờ biển Plymouth.



Vì sao người châu Âu di cư tới châu Mỹ

Sau khi Columbus phát hiện ra châu Mỹ, hàng loạt người châu Âu ồ ạt di cư sang đây. Vậy lí do gì đã khiến họ làm vậy nhỉ?

Lí do về tôn giáo: Tháng 8 năm 1608, để tránh bị bức hại về tôn giáo, một nhóm tín đồ Thanh giáo người Anh đã tới Hà Lan để lánh nạn. Về sau, một nhóm nhỏ trong số họ di cư tới Bắc Mỹ. Vào năm 1620 họ thành lập thuộc địa Plymouth. Sau đó, vài mục sư người Anh bị buộc ngừng truyền giáo cũng dẫn dắt những người đi theo tới châu Mỹ, vào năm 1630 họ thành lập thuộc địa ở vịnh Massachusetts. Trong hơn 10 năm sau đó, 6 thuộc địa của nước Anh được thành lập tại Bắc Mỹ, tất cả đều có liên quan tới tín đồ Thanh giáo. Ngoài ra, còn có thuộc địa Pennsylvania tại Bắc Mỹ do các tín đồ phe Giáo hữu của nước Anh bất mãn với hoàn cảnh của mình ở trong nước thành lập nên.

Lí do về chính trị: Những năm 30 của thế kỉ 17, do chế độ thống trị độc tài của vua Anh Charles I, rất nhiều người Anh di cư tới châu Mỹ.

Vào những năm 40 của thế kỉ 17, Charles I bị lật đổ, những người ủng hộ ông cũng đưa nhau di cư tới vùng Virginia của Bắc Mỹ để lánh nạn. Còn nước Đức ở cuối thế kỉ 17 và thế kỉ 18, do vương công chuyên quyền, tôn giáo bị áp bức, cộng thêm nhiều năm chiến tranh, khiến cho số người Đức di cư sang châu Mỹ cũng tăng nhanh.

Các lí do khác: Cũng có những người bán đấu không hứng thú với cuộc sống ở châu Mỹ, nhưng lại không thể tìm lòng trước những lời thuyết phục của những người tuyên truyền, cho rằng nước Mỹ tràn ngập các cơ hội nên đã tới đây. Ngoài ra còn có một số người là tội phạm bị lưu đày sang châu Mỹ.

Những lao công hợp đồng

Trong số dân di cư tới châu Mỹ, đa số họ đều không thể trả nổi tiền lệ phí cho bản thân và người nhà, cùng với chi phí để định cư tại châu Mỹ. Những chi phí này nhìn chung thường do các tổ chức thực dân như công ti Virginia và công ti vịnh Massachusetts chi trả trước, dân di cư thì làm việc với tư cách là lao công có hợp đồng để hoàn trả. Những cư dân này được gọi là “lao công hợp đồng”, thời hạn hợp đồng thông thường từ 4 đến 7 năm. Sau khi hết hạn hợp đồng, họ có thể được nhận một khoản “tiền tự do”, đôi khi còn bao gồm cả một mảnh đất nhỏ. Những người di cư với thân phận là lao công hợp đồng sang châu Mỹ không hề bị xã hội kì thị.

Các loại hình kinh tế của thuộc địa

Nền kinh tế của 13 thuộc địa Bắc Mỹ gồm ba loại hình: kinh tế tư bản chủ nghĩa, kinh tế phong kiến và nửa phong kiến và kinh tế theo chế độ nô lệ.

Kinh tế tư bản chủ nghĩa chủ yếu tập trung tại các vùng như New England ở phía Bắc, tốc độ phát triển công thương nghiệp theo hướng tư bản chủ nghĩa tại đây rất nhanh. Nghề đóng tàu, luyện kim, chế tạo đồ sắt và nghề dệt đều vô cùng phát triển. Giữa thế kỉ 18, trong số những con tàu treo cờ Anh có khoảng 1/3 là do nơi này đóng.

Các thuộc địa như New York, New Jersey ở miền Trung thuộc loại hình kinh tế phong kiến và nửa phong kiến. Đất đai tại các vùng này phì nhiêu, bằng phẳng, khí hậu ôn hòa, xuất hiện rất nhiều đại địa chủ được vua Anh ban tặng đất đai. Thông thường, họ chia đất thành nhiều mảnh nhỏ để cho thuê và thu tô đất. Nhưng hình thức kinh tế này chiếm tỉ trọng không lớn trong nền kinh tế các thuộc địa.

Các thuộc địa như Virginia, Georgia ở miền Nam thuộc loại hình kinh tế theo chế độ nô lệ. Các vùng này có rất nhiều cánh đồng lớn, ngoài sản xuất lúa gạo, họ còn trồng các loại cây kinh tế như cây thuốc lá. Họ sử dụng phần lớn nô lệ da đen. Giống như chế độ nô lệ thời cổ đại, các chủ nô sở hữu mọi thứ của nô lệ, kể cả quyền sinh quyền sát.

13 thuộc địa ở thời kì đầu

Từ đầu thế kỉ 17 đến nửa đầu thế kỉ 18, nước Anh lần lượt thành lập 13 thuộc địa dọc theo bờ Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ.

Năm 1607, công ti London của nước Anh thành lập Jamestown tại cửa sông James ở Bắc Mỹ. Về sau, trên nền tảng của thành phố này, người ta phát triển thành vùng thuộc địa Virginia. Năm 1620, một nhóm tín đồ Thanh giáo người Anh di trên tàu Mayflower, cập bến tại Massachusetts ở phía Bắc của Bắc Mỹ, thành lập thuộc địa Plymouth. Năm 1664, sau chiến tranh lần thứ hai giữa Anh – Hà Lan, nước Anh chiếm đoạt thuộc địa New Amsterdam của Hà Lan ở Bắc Mỹ, đổi tên thành New York. Sau đó, tới năm 1733, nước Anh lại thành lập Rhode Island, lần lượt thành lập tổng cộng 13 thuộc địa dọc bờ biển Đại Tây Dương ở Bắc Mỹ.



Sự kiểm soát và quản lí của nước Anh đối với Bắc Mỹ

Để kiểm soát và quản lí các thuộc địa ở Bắc Mỹ, nước Anh thành lập một bộ máy thống trị. Dựa theo mức độ kiểm soát của họ, trước khi cuộc chiến tranh giành độc lập diễn ra, các thuộc địa tại Bắc Mỹ của nước Anh có thể chia làm ba loại như sau:

Một là các thuộc địa của hoàng gia. Loại thuộc địa này do các thống đốc mà vua Anh chỉ định trực tiếp cai trị, bao gồm tám thuộc địa, chẳng hạn như Virginia, Massachusetts...

Hai là các thuộc địa của chủ tư sản. Loại thuộc địa này do các chủ tư sản của thuộc địa (những quan đại thần hoặc đại quý tộc được vua Anh ban tặng đất đai) được chỉ định làm thống đốc, rồi được vua Anh phê chuẩn, chịu sự ràng buộc của luật pháp nước Anh.

Ba là các thuộc địa tự trị. Thống đốc của loại hình thuộc địa này do các cư dân có tài sản của thuộc địa bầu ra, nhưng cũng phải qua vua Anh phê chuẩn, cần phải thực hiện cai trị dựa theo các điều khoản liên quan do vua Anh đặt ra. Rhode Island và Connecticut là các thuộc địa tự trị.



Xung đột giữa nước Anh với các thuộc địa

Sau khi các thuộc địa Bắc Mỹ được thành lập, chính phủ Anh coi những vùng đất này là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ hàng hóa, luôn luôn áp dụng chính sách kiểm soát và chèn ép nền kinh tế của các thuộc địa.

Kể từ giữa thế kỉ 17, nước Anh lấy danh nghĩa trừng phạt việc buôn lậu, thường xuyên cử tàu chiến tuần tra dọc bờ biển Bắc Mỹ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc buôn bán đối ngoại của các thuộc địa. Anh còn ban bố một loạt pháp lệnh kiểm soát sản xuất và mậu dịch của các thuộc địa như: “Đạo luật hàng hóa liệt kê”, “Đạo luật hàng hóa chủ yếu”.

Sự bóc lột và áp bức của chính quyền Anh đối với Bắc Mỹ khiến các tầng lớp nhân dân thuộc địa bất mãn. Kể từ những năm 70 của thế kỉ 17, các vùng Virginia, Boston, New England, đều lần lượt nổ ra nhiều cuộc khởi nghĩa và bạo động.

Năm 1763, để xóa bỏ tổn thất của “cuộc chiến tranh Bảy năm” giữa hai nước Anh – Pháp, nước Anh từng bước tăng cường kiểm soát và cướp đoạt ở các thuộc địa Bắc Mỹ. Cùng năm

đó, chính phủ Anh ban bố pháp lệnh, tuyên bố khu vực rộng lớn từ dãy núi Appalachian trở về phía Tây là tài sản riêng của hoàng tộc Anh, nghiêm cấm bất cứ người dân nào tới khai khẩn. Việc ban bố pháp lệnh này khiến cho tinh thần chống Anh của các tầng lớp nhân dân thuộc địa ngày càng mạnh mẽ.

Việc ban bố “Đạo luật tem thuế” năm 1765, “Đạo luật Townshend” năm 1767 cùng với vụ “bữa tiệc trà ở Boston” càng khiến cho tinh thần chống Anh của nhân dân thuộc địa dâng cao. Các vùng Massachusetts, Virginia, lần lượt thành lập tổ chức chống Anh là ủy ban thông tin, chuẩn bị vũ trang chống lại ách thống trị của nước Anh.

Năm 1773, sau “bữa tiệc trà ở Boston”, chính phủ Anh cử quân tới trấn áp và phong tỏa cảng Boston, cấm nơi này trao đổi buôn bán với bên ngoài. Ngoài ra, họ còn ban bố “Luật Quebec” nghiêm cấm nhân dân Bắc Mỹ chiếm đất các vùng từ sông Ohio về phía Bắc, từ Pennsylvania về phía Tây... Sự đoạn tuyệt giữa chính phủ Anh và các thuộc địa Bắc Mỹ cuối cùng không thể tránh khỏi.



"Đạo luật tem thuế" vấp phải sự phản đối

Năm 1765, để ứng phó với chi phí quân đội khổng lồ, nghị viện Anh đã thông qua "Đạo luật tem thuế" quy định: tất cả ấn phẩm của các thuộc địa Bắc Mỹ bao gồm báo chí, sách và tạp chí, quần bài, vé vào rạp... đều phải dán thêm tem thuế thì mới được sử dụng và phát hành. Có nhiều mức thuế từ 2 cent tới vài bảng Anh, người vi phạm sẽ bị phạt tiền hoặc bị giam giữ. Việc ban bố đạo luật này đã vấp phải sự phản đối mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân thuộc địa. Ở những vùng như Boston, New York, rất nhiều đoàn thể xã hội chủ trương tự do đã ra đời và huy động mọi người tiến vào cơ quan thuế vụ, thiêu hủy tem thuế, bôi đầy nhựa thông và dán lông chim lên người các quan chức thuế rồi cho diễu phố thị chúng, rất nhiều quan chức thuế của các thuộc địa phải xin từ chức trước ngày đạo luật có hiệu lực là tháng 11. Mọi người còn triển khai phong trào tẩy chay hàng hóa của nước Anh tại thuộc địa, khiến cho kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thuộc địa của Anh giảm mạnh, các nhà buôn Anh gánh chịu tổn thất hàng trăm ngàn bảng. Tháng 10 năm 1765, hội nghị các thuộc địa phản đối đạo luật tem thuế được khai mạc tại New York, thông qua nghị quyết gồm 14 điều từ chối nộp tem thuế cho chính phủ Anh. Giới thương gia và các nhà sản xuất của hơn 30 thành phố ở Anh liên kết điều trần, đồng thời thỉnh cầu chính phủ xóa bỏ đạo luật này. Hứng chịu búa rìu dư luận, nghị viện Anh đành xóa bỏ đạo luật tem thuế vào tháng 3 năm 1766.

Bữa tiệc trà ở Boston

Tuy chính phủ Anh buộc phải xóa bỏ "Đạo luật Townshend" vào năm 1770, nhưng những điều khoản trong đó như thu thuế trà không hề được xóa bỏ. Để giúp đỡ công ti Đông Ấn bán được số trà tồn kho, vào năm 1773, chính phủ Anh đã thông qua "Luật thuế trà", cho công ti Đông Ấn độc quyền bán trà phá giá tại Bắc Mỹ, hơn nữa chỉ thu thuế thấp và nghiêm cấm nhân dân thuộc địa "buôn lậu" trà. Cách làm đó bị nhân dân thuộc địa phản đối mạnh mẽ, mọi người từ chối uống trà của công ti Đông Ấn. Các cảng Philadelphia, New York lại càng không cho phép các con tàu chở trà của nước Anh đỗ hàng.

Sự kiện thăm sát ở Boston

Năm 1767, nước Anh ban bố "Đạo luật Townshend". Luật này quy định: tất cả các loại hàng hóa vận chuyển vào các thuộc địa như chất nhuộm màu, thủy tinh, giấy... đều phải nộp thuế. Nhân dân Bắc Mỹ vô cùng bất mãn, nhân dân Boston tuyên bố thành lập chính phủ của riêng mình, không chấp nhận "Đạo luật Townshend", nhân dân Virginia thì thành lập ủy ban tẩy chay hàng hóa Anh. Năm 1768, quân đội Anh xung đột với nhân dân tẩy chay hàng hóa Anh tại Boston. Tháng 3 năm 1770, quân Anh lại một lần nữa xung đột với nhân dân Boston, đồng thời nổ súng gây thương vong cho nhiều người. Đây chính là "Sự kiện thăm sát ở Boston". Sau vụ thăm sát, Boston cử hành tang lễ rất lớn, nhân dân thuộc địa đua nhau diễu hành thị uy, phản đối hành động bạo lực của quân Anh. Cuối cùng, quân Anh buộc phải rút lui khỏi Boston, quốc hội Anh cũng phải bỏ "Đạo luật Townshend".

Tháng 11 năm 1773, con tàu chở 343 kiện trà của công ti Đông Ấn đi vào cảng Boston. Ngày 16 tháng 12, 8.000 người ở Boston tụ tập yêu cầu con tàu chở trà của công ti Đông Ấn rời khỏi cảng, nhưng họ từ chối. Đêm hôm đó, hiệp hội trà Boston do các thanh niên ở đây tổ chức đã cải trang thành người da đỏ rồi leo lên tàu, đổ gần hết 343 kiện trà với giá trị hơn 10.000 bảng Anh từ trên tàu xuống biển, sử sách gọi là "bữa tiệc trà ở Boston". Sau sự kiện đó, mâu thuẫn giữa chính phủ Anh và các thuộc địa càng trở nên gay gắt và công khai.



Quốc hội lục địa lần thứ nhất

Tháng 5 năm 1774, hội nghị Virginia hô hào các thuộc địa liên kết lại để chống Anh. Từ ngày 5 tháng 9 năm 1774 đến ngày 26 tháng 10 cùng năm, đại biểu các thuộc địa Bắc Mỹ đã có mặt tại Philadelphia để khai mạc hội nghị (chỉ có bang Georgia do thống đốc ngăn cản nên không tham gia) gọi là quốc hội lục địa lần thứ nhất. Số đại biểu tham dự gồm 55 người, hầu hết là thương gia giàu có, chủ ngân hàng, chủ đồn điền. Đa số các đại biểu chủ trương không đoạn tuyệt hoàn toàn với nước Anh, nhưng yêu cầu nước Anh nếu chưa được dân thuộc địa đồng ý thì không được phép thu thuế. Thiếu số đại biểu thì chủ trương các thuộc địa nên phụ thuộc vĩnh viễn vào nước Anh. Quốc hội thông qua bản "Tuyên ngôn độc lập", tuyên bố dân thuộc địa có quyền sống, quyền tự do và quyền về tài sản, được tự trị trong nội bộ thuộc địa, xóa bỏ các đạo luật thuế của nước Anh tại thuộc địa, nếu chưa được nhân dân thuộc địa đồng ý thì không được tự ý thu thuế. Đại hội còn thông qua thư thỉnh cầu gửi cho vua Anh, thể hiện đồng ý trung thành với nước Anh. Nhưng vua Anh George III đã từ chối thư thỉnh nguyện của nhân dân các thuộc địa Bắc Mỹ, đồng thời tuyên bố sẽ dùng vũ lực để giải quyết.

Tiếng súng ở làng Lexington

Đêm 18 tháng 4 năm 1775, quân Anh đồn trú tại các thuộc địa Bắc Mỹ biết tin ở thị trấn Concord gần Boston cất giấu một lượng lớn vũ khí, đây cũng chính là kho vũ khí mà quân du kích địa phương dùng để chống lại chính phủ Anh. Vì thế họ đã cử người đi lục soát. Rạng sáng ngày 19, khi 800 quân Anh hành quân tới gần làng Lexington thì đụng độ với quân du kích. Trong cuộc giao chiến, 8 du kích bị bắn chết, còn quân Anh bị thương vong 247 người, sử sách gọi là "tiếng súng ở làng Lexington". Cuộc chiến tại làng Lexington đã mở màn cho cuộc chiến tranh giành độc lập.

Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập thắng lợi, người Mỹ coi làng Lexington là "chiếc nôi của tự do nước Mỹ". Tại khu vực trung tâm của Lexington, người ta dựng một tấm bia kỉ niệm cuộc chiến tranh giành độc lập, trên tấm bia là một pho tượng đồng của quân du kích trên tay cầm súng trường, đầu đội mũ lá.

George Washington – cha đẻ của nước Mỹ

Tháng 2 năm 1732, George Washington chào đời trong một gia đình chủ đồn điền ở miền Đông Virginia. Từ nhỏ ông đã mất cha, chỉ được thừa kế một ít đất đai và nô lệ da đen, ông cũng không được học hành ở trường chính quy. Từ năm 1748, Washington làm nhân viên đo đất ở Virginia trong ba năm, cho nên ông có cơ hội đi khắp lãnh thổ Bắc Mỹ rộng lớn. Về sau, ông tham gia nghĩa vụ quân sự trong quân đội thực dân Anh, theo quân Anh chiến đấu với quân Pháp, trong chiến tranh được thăng cấp lên thượng tá, đồng thời tích lũy được kinh nghiệm chỉ huy quân sự rất phong phú. Năm 1758, Washington được bầu làm nghị sĩ của bang Virginia. Năm 1759, ông kết hôn với Martha Dandridge Custis, được nhận rất nhiều đất đai và nô lệ, trở thành chủ đồn điền lớn nhất tại Virginia. Trong quá trình kinh doanh nông trại và xưởng thủ công, Washington đã nếm trải đủ mọi nỗi khổ khi bị chính quyền thực dân Anh áp bức.

Năm 1775 và năm 1775, Washington được bầu làm đại biểu quốc hội lục địa lần thứ nhất và lần thứ hai. Trong quốc hội lần thứ hai, ông được chỉ định làm tổng tư lệnh quân lục địa, khi đó

ông đã 43 tuổi. Thời đó, quân Anh vô cùng hùng mạnh, còn quân lục địa thì trang bị kém, thiếu kinh nghiệm, kỉ luật lỏng lẻo, tuy vậy Washington không hề run sợ. Về sau, ông đã dẫn dắt quân lục địa trải qua cuộc chiến đấu gian khổ, cuối cùng đánh bại quân Anh, giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh giành độc lập, có công hiến lớn lao đối với nền độc lập của nước Mỹ.

Năm 1783, sau khi kí kết "Hiệp ước Paris", nước Anh buộc phải thừa nhận nền độc lập của nước Mỹ. Tháng 12 cùng năm, Washington xin từ chức tổng tư lệnh và trở về quê hương. Tháng 1 năm 1789, Washington được bầu làm tổng thống đầu tiên của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Năm 1793, Washington một lần nữa lại được bầu làm tổng thống.

Tháng 9 năm 1796, khi hai nhiệm kì liên tiếp làm tổng thống sắp kết thúc, Washington đã phát biểu "Lời cáo biệt" nổi tiếng. Ông còn tổng kết kinh nghiệm về chính trị trong cuộc đời của mình, kêu gọi toàn quốc mãi mãi đoàn kết, coi trọng liên bang, tuân theo kết quả bầu cử, đặc biệt là phản đối việc cuốn vào những cuộc chiến ở nước ngoài.

Quốc hội lục địa lần thứ hai

Tiếng súng ở làng Lexington đã cổ vũ niềm tin của nhân dân Bắc Mỹ trong việc phản đối ách thống trị của nước Anh, cuộc đấu tranh vũ trang được triển khai tại các thuộc địa. Ngày 10 tháng 5 năm 1775, quốc hội lục địa lần thứ hai đã được triệu tập tại Philadelphia, khi đó tổng số đại biểu tham dự là 66 người. Quốc hội lục địa bấy giờ đã phát triển thành tổ chức chính quyền quốc gia, gần giống với chính phủ trung ương thường trực.

Ngày 15 tháng 6 năm 1775, quốc hội quyết định giao cho Washington làm tổng tư lệnh quân lục địa. Tháng 10 và tháng 11, quốc hội lần lượt quyết định xây dựng hải quân và đội thủy quân lục chiến. Ngày 4 tháng 7 năm 1776, quốc hội lục địa lần thứ hai thông qua bản “Tuyên ngôn độc lập” do Thomas Jefferson soạn thảo, tuyên bố thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Tháng 6 năm 1777, quốc hội lục địa lần thứ hai phê chuẩn lá cờ sọc và sao là quốc kì của nước

Mỹ. Ngày 15 tháng 11 năm 1777, quốc hội lục địa lần thứ hai thông qua “Các điều khoản hợp bang”. Ngày 1 tháng 3 năm 1781 sau khi giành được sự phê chuẩn của các bang, theo đó quốc hội hợp bang được thành lập sẽ thay thế cho quốc hội lục địa, đồng thời trở thành cơ quan lập pháp của nước Mỹ cho tới tháng 3 năm 1789.



Việc soạn thảo bản “Tuyên ngôn độc lập”

Tháng 4 năm 1776, trong quốc hội lục địa lần thứ hai, trước tiên đại biểu của Bắc Carolina đưa ra yêu cầu các thuộc địa Bắc Mỹ độc lập. Sau đó, đại biểu các vùng Virginia, Massachusetts cũng tích cực phản hồi. Ngày 7 tháng 6, đại biểu của Virginia đưa ra trước quốc hội một đề án thảo luận, kiến nghị 13 thuộc địa Bắc Mỹ lập tức tuyên bố độc lập. Ngày 2 tháng 7, quốc hội lục địa thông qua đề án này, đồng thời chỉ định Thomas Jefferson, Benjamin Franklin, John Adams phụ trách soạn thảo bản “Tuyên ngôn độc lập”.

Ngày 4 tháng 7 năm 1776, sau một thời gian dài biện luận, quốc hội lục địa lần thứ hai thông qua bản “Tuyên ngôn độc lập” do Thomas Jefferson, Benjamin Franklin và những người khác chấp bút, tuyên bố rõ ràng: Mọi người sinh ra đều bình đẳng, đều có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Bản tuyên ngôn còn kể ra những tội lỗi mà chính phủ Anh đã phạm phải đối với nhân dân các thuộc địa, tuyên bố 13 thuộc địa Bắc Mỹ từ đây xóa bỏ mọi

quan hệ phụ thuộc với vua Anh, xóa bỏ mọi quan hệ chính trị với nước Anh, đồng thời tuyên bố sẽ cùng liên kết lại để thành lập Hợp chúng quốc Hoa Kỳ... Về sau, ngày này được quy định là ngày Độc lập của nước Mỹ.

Trong bản thảo ban đầu của “Tuyên ngôn độc lập”, Jefferson đã lên án chế độ nô lệ, nhưng do các đại biểu là chủ nô ở miền Nam phản đối quyết liệt, cho nên nội dung này đã bị xóa bỏ.

“Tuyên ngôn độc lập” thể hiện một cách đầy đủ tinh thần về nhân quyền, chủ quyền và việc mưu cầu tự do, việc nó được thông qua đánh dấu sự ra đời của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, có tác dụng quyết định hiệu triệu nhân dân Mỹ tham gia vào cuộc đấu tranh giành độc lập. Ngoài ra, bản “Tuyên ngôn độc lập” này còn ảnh hưởng tích cực tới cách mạng dân tộc và dân quyền của các nước châu Âu sau này, đặc biệt là cuộc cách mạng Pháp và bản “Tuyên ngôn nhân quyền” của họ.



Thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ

Cuộc chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ bắt đầu kể từ khi tiếng súng tại làng Lexington vang lên vào tháng 4 năm 1775, tới tháng 10 năm 1781 thì kết thúc, kéo dài khoảng hơn 6 năm.

Trong hai năm đầu tiên của cuộc chiến tranh, quân Anh đặt ra chiến lược chia cắt các thuộc địa ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam Bắc Mỹ; tiến hành tiêu diệt, đánh nhanh thắng nhanh đối với quân lục địa và lực lượng du kích của các bang. Tháng 8 năm 1776, quân Anh chiếm lĩnh New York, quân lục địa do Washington dẫn đầu buộc phải rút lui về New Jersey. Tháng 9 năm 1777, một cú điểm trọng yếu khác của quân lục địa là Philadelphia tiếp tục bị quân Anh chiếm đoạt, quân lục địa lâm vào tình thế vô cùng gian nan. Ngày 17 tháng 10 cùng năm, quân Mỹ giành được thắng lợi lớn ở Saratoga, đây là bước ngoặt của cuộc chiến tranh giành độc lập, nó phá tan kế hoạch chiến lược của quân Anh. Sau đó quân Mỹ dần dần chuyển từ thế phòng thủ sang thế tấn công.

Do lợi ích thúc đẩy, thời đó có nhiều quốc gia ủng hộ nước Mỹ thoát khỏi nước Anh, đồng thời tuyên

chiến với Anh. Năm 1779 và năm 1780, Tây Ban Nha và Hà Lan cũng lần lượt tham gia cuộc chiến chống Anh. Hải quân của ba nước Pháp – Tây Ban Nha – Hà Lan tấn công liên tiếp các tàu chiến của Anh, khiến quân Anh mất ưu thế trên biển.

Khi đó, tình hình trên chiến trường Bắc Mỹ cũng có thay đổi. Quân lục địa Bắc Mỹ từ chỗ vài chục ngàn người ban đầu tăng lên thành 150.000 người, còn quân Anh ở Bắc Mỹ lại chỉ có 110.000 người.

Tháng 8 năm 1781, Washington dẫn theo đội chủ lực của quân lục địa cùng với quân đoàn tình nguyện Pháp bao vây quân chủ lực của Anh dưới sự dẫn dắt của tướng Cornwallis tại Yorktown, Virginia. Tháng 9, hải quân Pháp cắt đứt liên hệ của quân Anh tại Yorktown với bên ngoài. Ngày 19 tháng 10, do mất đi mọi đường tiếp tế, đạn dược và lương thảo đều hết sạch, 7.000 quân Anh đã đầu hàng quân lục địa. Cuộc chiến tranh giành độc lập kết thúc.

Tháng 9 năm 1783, Mỹ và Anh kí kết hòa ước tại Paris, nước Anh buộc phải thừa nhận nước Mỹ độc lập.

"Các điều khoản hợp bang"

"Các điều khoản hợp bang" là một văn bản vô cùng quan trọng khác trong lịch sử nước Mỹ (chỉ sau bản "Tuyên ngôn độc lập"), có thể nói đây là bản cương lĩnh dựng nước của Mỹ. Tuy thời gian tồn tại của nó ngắn ngủi nhưng lại ảnh hưởng sâu sắc tới sự phát triển của nước Mỹ trong thời kì sáng lập.

Năm 1776, không lâu sau khi nước Mỹ tuyên bố độc lập, quốc hội lục địa lần thứ hai bắt đầu soạn thảo "Các điều khoản hợp bang" và chính thức có hiệu lực vào ngày 1 tháng 3 năm 1781. Căn cứ vào "Các điều khoản hợp bang", tổ chức nhà nước của Mỹ có những đặc điểm sau đây: Thứ nhất, các tiểu bang đều độc lập. Thứ hai, cơ quan cao nhất của trung ương là quốc hội hợp bang, do số đại biểu mà mỗi bang cử ra từ 2 đến 7 người hợp thành. Trung ương không thiết lập chế độ nguyên thủ quốc gia mà chỉ thiết lập ủy ban các bang dưới quốc hội. Khi quốc hội nghị hợp thì quản lí các công việc thường vụ. Thứ ba, quyền lực của trung ương rất nhỏ.

Theo "Các điều khoản hợp bang", nước Mỹ được thành lập thời đó giống với một liên minh quốc tế do 13 quốc gia độc lập hợp thành.

Trận Saratoga đại thắng

Tháng 6 năm 1776, để cắt đứt liên hệ giữa quân lục địa và New England, chính phủ Anh lập kế hoạch chia quân thành ba ngả, hợp quân tại Albany để bao vây New England. Nhưng do hai cánh quân Anh không hoàn thành kế hoạch đúng hẹn, cánh quân Anh từ Montréal, Canada xuống phía Nam rơi vào tình thế bị cô lập, hơn nữa do dọc đường phần lớn là rừng rậm, đầm lầy và thung lũng với sườn dốc cho nên việc hành quân chậm chạp, việc cung ứng lương thảo cũng gặp khó khăn. Trước sự tấn công của hơn 20.000 quân du kích các bang tại New England, tướng Anh Burgoyne buộc phải dẫn hơn 5.000 quân lùi về phòng thủ ở Saratoga. Họ nhiều lần định phá vòng vây nhưng đều không thành công, sau khi hết đạn dược và lương thảo, họ buộc phải đầu hàng quân Mỹ vào ngày 17 tháng 10. Trận đánh này được gọi là "trận Saratoga đại thắng".

"Trận Saratoga đại thắng" đã xoay chuyển toàn bộ cục diện của cuộc chiến tranh giành độc lập. Sau đó, quân Mỹ từ chiến lược phòng ngự chuyển sang chiến lược tấn công, giành được sự viện trợ của Pháp và các nước khác, khi thế trở nên mạnh mẽ, bắt đầu hé lộ những tia sáng thắng lợi.

Ý nghĩa của cuộc chiến tranh giành độc lập ở nước Mỹ

Cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ là cuộc cách mạng đấu tranh nhân quyền và chủ quyền quốc gia. Nó lật đổ chế độ thống trị thực dân của nước Anh, thành lập nước cộng hòa dân chủ đầu tiên tại châu Mỹ, đồng thời xóa sạch tàn dư của một số thế lực phong kiến, từ đó giải phóng sức sản xuất, mở ra con đường xán lạn cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Đây cũng là cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa có quy mô lớn đầu tiên trong lịch sử thế giới. Thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ đã nêu tấm gương sáng cho các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của các thuộc địa khác, thúc đẩy phong trào độc lập của các quốc gia ở châu Âu.

Thế nhưng cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ cũng có những chỗ chưa hoàn toàn triệt để, chẳng hạn như không giúp cho tầng lớp nhân dân lao động dưới đáy xã hội giành được quyền bầu cử, cũng chưa giải quyết được vấn đề nô lệ, cuối cùng dẫn đến sự bùng nổ của cuộc nội chiến ở nước Mỹ.

Tình hình trong nước thời kì đầu độc lập

Sau khi cuộc chiến tranh giành độc lập kết thúc, quyền lực của chính phủ hợp bang vô cùng yếu ớt, chỉ giới hạn ở các công việc như xử lí quan hệ đối ngoại và tranh chấp giữa các bang, còn các bang vẫn duy trì quyền tự do và độc lập.

Giai cấp tư sản và các chủ đồn điền phát lên rất nhanh nhờ chiến tranh. Sau đó, chính phủ hợp bang không thể gánh vác chi phí chiến tranh khổng lồ. Thế là một lượng lớn tiền giấy được in ra, dẫn đến đồng tiền bị lạm phát, vật giá tăng cao, đồng đảo công nhân bị thất nghiệp, các khoản thuế chiếm tới 1/3 thu nhập của nông dân, kinh tế xã hội hỗn loạn và tiêu điều. Bị dồn đến bước đường cùng, đa số những người dân nghèo khổ chạy trốn về phía Tây, hi vọng có được đất đai ở nơi này. Thế nhưng "Luật đất đai" được ban bố vào năm 1785 quy định "Với mỗi mảnh đất rộng 640 mẫu Anh, mỗi mẫu là 2 đô la Mỹ, cả mảnh đất sẽ là 1.280 đô la Mỹ" lại dập tắt hi vọng của mọi người. Còn gia đình những binh sĩ đã đổ máu và hi sinh trong cuộc chiến tranh giành độc lập thì lại sống bần cùng sau chiến tranh.

Cứ như thế, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và đồng đảo nhân dân nhanh chóng trở nên gay gắt, các cuộc bạo động và khởi nghĩa liên tiếp nổ ra. Trong đó cuộc khởi nghĩa có quy mô lớn nhất là "cuộc khởi nghĩa Shays" vào năm 1786.

Cuộc khởi nghĩa Shays và ý nghĩa của nó

Shays từng tham gia cuộc chiến giành độc lập. Do lập công nên ông được thăng cấp thành thiếu úy. Sau chiến tranh, ông trở về quê hương ở bang Massachusetts, nhưng lại lâm vào cảnh trên người không có lấy một xu. Hiện thực tàn khốc khiến Shays vô cùng bất mãn với sự thống trị của chính phủ hợp bang. Tháng 9 năm 1786, Shays lãnh đạo nông dân phát động cuộc khởi nghĩa vũ trang tại Massachusetts. Đội quân khởi nghĩa nhanh chóng lớn mạnh, lên tới hơn 15.000 người, chiếm được nhiều thành phố của Massachusetts và thành lập chính quyền.

Cuộc khởi nghĩa Shays khiến cho giới cai trị của nước Mỹ vô cùng hoang mang lo sợ. Họ đã điều động quân đội để đàn áp. Do thiếu kinh nghiệm và số ít không địch lại được số

đồng, vào tháng 2 năm 1787, cuối cùng cuộc khởi nghĩa đã thất bại, Shays bị bắt, bị tuyên án tử hình vào tháng 3. Nhưng do sự phản đối của đồng đảo quần chúng, chính phủ buộc phải giảm thuế tài sản và thuế dinh (đánh theo đầu người), đồng thời tuyên bố miễn tội cho Shays vào tháng 6 năm 1788.

Cuộc khởi nghĩa Shays đã khiến cho tầng lớp thống trị của nước Mỹ nhận thấy chính phủ hợp bang nhu nhược và bất tài, không thể bảo vệ lợi ích của họ một cách hiệu quả. Do đó yêu cầu bức thiết là phải xóa bỏ "Các điều khoản hợp bang", chuyển sang thành lập một chính phủ tập trung quyền lực vào trung ương, điều này cũng thúc đẩy việc soạn thảo "Hiến pháp Hoa Kỳ" vào năm 1787.



“Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787”

Ngày 25 tháng 5 năm 1787, đại diện các tiểu bang của nước Mỹ tổ chức hội nghị hiến pháp tại Philadelphia. Trải qua bốn tháng thảo luận, ngày 17 tháng 9, hội nghị mới thông qua hiến pháp liên bang của nước Mỹ, gọi là “Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787”.

Theo quy định của hiến pháp, nước Mỹ dựa trên nguyên tắc tam quyền phân lập là hành pháp, lập pháp và tư pháp để xây dựng quốc gia theo chế độ liên bang.

Tổng thống thực hiện quyền hành pháp. Tổng thống được chọn thông qua bầu cử, nhiệm kì là bốn năm, vừa là đầu não hành pháp cao nhất của chính phủ Mỹ, lại vừa là tổng tư lệnh của quân đội vũ trang. Mệnh lệnh hành chính và pháp luật do tổng thống ban bố có hiệu lực như nhau, trong tình huống khẩn cấp có quyền áp dụng các điều không được quy định trong hiến pháp. Tổng thống là người có quyền phủ quyết để án pháp luật do quốc hội thông qua, có quyền chỉ định các quan chức cao cấp, kí kết hiệp ước tầm quốc gia nhưng phải được sự đồng ý của Thượng viện. Nếu tổng thống phạm phải các tội như phản quốc, hối lộ... thì sẽ bị khép tội và bị miễn nhiệm.

Quốc hội là cơ quan lập pháp tối cao của quốc gia, do Thượng viện và Hạ viện hợp thành. Các nghị sĩ của Hạ viện do cử tri của các bang trực tiếp bầu ra. Quốc hội có quyền lập pháp tối cao, nhưng pháp luật mà quốc hội thông qua phải được sự phê chuẩn của tổng thống thì mới có hiệu lực. Quốc hội có quyền bổ nhiệm các quan chức cao cấp về thuế vụ, tuyển mộ quân đội, phát hành tiền tệ, tuyên chiến, phán xét và khép tội tổng thống... Nếu nghị quyết của quốc hội bị tổng thống phủ quyết nhưng được 2/3 số nghị sĩ trở lên trong Thượng viện và Hạ viện thông qua thì vẫn có hiệu lực.

Quyền tư pháp thuộc về tòa án tối cao. Quan tòa do tổng thống chỉ định, Thượng viện phê chuẩn, đảm nhiệm chức vụ suốt đời. Tòa án tối cao có quyền dựa vào hiến pháp để giải thích tất cả pháp luật và điều ước, chẳng hạn như khi cho rằng một điều khoản pháp luật nào đó vi phạm hiến pháp thì có thể tuyên bố vô hiệu.

Hiến pháp năm 1787 đã giành được sự tán thành của giai cấp đại tư sản và các chủ đồn điền, nhưng không một chữ nào nhắc tới quyền lợi dân chủ của nhân dân và việc xóa bỏ chế độ nô lệ.

“Tuyên ngôn về nhân quyền”

Hiến pháp có hiệu lực từ năm 1788, nước Mỹ bầu ra quốc hội, Washington được bầu làm vị tổng thống đầu tiên. Năm 1789, quốc hội lại đưa ra 10 tu chính án*, tức là “Tuyên ngôn về nhân quyền”. Dự thảo pháp luật này quy định quyền lợi tự do ngôn luận, xuất bản, tôn giáo tín ngưỡng, hội họp, thỉnh cầu cùng với quyền bất khả xâm phạm về người, tài sản, nơi ở, văn bản... Tu chính án này được thông qua vào năm 1790, có hiệu lực kể từ năm 1791. Tu chính án đã bổ sung những điểm còn thiếu sót của các điều khoản hiến pháp năm 1787, đồng thời hình thành một thống lệ, tức là không dễ dàng sửa đổi các điều khoản hiến pháp căn bản, nếu thấy cần thiết thì dùng các điều khoản tu chính án để bổ sung.

Việc ban bố “Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787” và “Tuyên ngôn về nhân quyền” có ảnh hưởng sâu rộng tới sự phát triển trong lịch sử nước Mỹ. Nó giúp nước Mỹ trở thành một quốc gia thực sự thống nhất, xác lập được nguyên tắc dân chủ và thể chế chính trị cộng hòa. Ngoài ra, “Hiến pháp Hoa Kỳ năm 1787” đóng vai trò quan trọng đối với cách mạng dân quyền cận đại và việc thành lập nền chính trị dân chủ ở châu Âu.

* Một văn bản sửa đổi bổ sung cho hiến pháp.

Chương 2: Khai hoang và phong trào “Tây tiến”

Nội dung chính:

Mở rộng về phía Tây Bắc

Không lâu sau khi giành được độc lập, nước Mỹ liền bước vào công cuộc mở rộng lãnh thổ. Cư dân các bang miền Đông và dân di cư sau này di cư ồ ạt về phía Tây, hình thành nên phong trào “Tây tiến” với quy mô lớn.

Cuộc chiến tranh với người da đỏ

Song song với phong trào Tây tiến cũng là việc tùy tiện cướp bóc và tàn sát người da đỏ. Để sinh tồn, người da đỏ đã triển khai chiến tranh lâu dài với chính phủ Mỹ.

Hoa Kỳ mở tung cánh cửa của Nhật Bản

Năm 1853, tư lệnh hạm đội Đông Ấn của Mỹ là Perry đã dùng vũ lực uy hiếp Nhật Bản mở cửa thông thương, đồng thời kí kết “Hiệp ước Kanagawa” vào năm sau. Tình trạng bế quan tỏa cảng kéo dài mấy trăm năm của Nhật Bản cuối cùng cũng bị phá vỡ.



Năm 1803, nước Mỹ mua vùng đất Louisiana từ sông Mississippi về phía Tây của Pháp.

Đầu năm 1804, vị tổng thống thứ hai của nước Mỹ là Thomas Jefferson cử trung úy lực quân trẻ tuổi là Meriwether Lewis và William Clark đi thám hiểm miền Tây.

NEU VẬY
LÃNH THỔ
NƯỚC MỸ
CỦA CHÚNG
TA SẼ ĐƯỢC
MỞ RỘNG
GẤP HAI LẦN
CƠ ĐÂY!

NHƯNG ĐẤT
MIỀN TÂY CÒN
CHƯA ĐƯỢC KHAI
KHẮN, VẪN CÒN
HOANG VU LẮM!

Mở rộng về phía Tây Bắc

Lewis và Clark dẫn theo 45 người xuất phát từ thành phố St. Louis, đi thuyền ngược dòng sông Missouri lên phía trên, bắt đầu hành trình thám hiểm.





Đội thám hiểm từ Louisiana đi về phía Tây, cuối cùng tới ven bờ Thái Bình Dương. Trên đường đi, các thành viên đội thám hiểm còn phải điều tra cặn kẽ về các loài động thực vật, ngoài ra còn phải ghi chép về khí hậu, phong thổ miền Tây và cả tập quán sinh hoạt của người da đỏ.











Da và lông thú là nguồn tài nguyên thiên nhiên của lục địa Bắc Mỹ, nơi này thu hút nhiều người tới săn bắn. Họ săn bắt rồi cá, chuột lang nước, gấu, chồn nâu... để lấy da và lông đem bán cho các nơi ở châu Mỹ và châu Âu. Những người đầu tiên tới trung tâm miền Tây để sinh sống chính là những người thợ săn này.









CHẮC LÀ ĐÃ ĐẾN ĐÂY
NÚI ROCKY RỒI NHÌ?

LÂU LẮM RỒI
KHÔNG NHÌN THẤY
NGƯỜI DA ĐỎ, TÔI CÓ
LÍNH CẢM HỌ SẮP
XUẤT HIỆN...



NGƯỜI
DA ĐỎ KIA!
MỌI NGƯỜI
CHUẨN BỊ
SẴN VŨ KHÍ!



KHOAN
ĐÃI ĐÓ
LÀ...

ANH! EM CHÍNH LÀ
SAKAJAWA VỒN BỊ NGƯỜI
MANDAN BẮT ĐI TÙ HỒI
NHỎ ĐÂY, ANH CÒN NHẬN
RA EM KHÔNG?



SAKAJAWA?
TRỜI ĐẤT,
EM HẪY
CÒN SỐNG!



Trong điều kiện khó khăn như thời tiết giá lạnh, thiếu thốn lương thực, đội thám hiểm đã vượt qua dãy núi Rocky với nghị lực phi thường.



Sau khi vượt qua dãy núi Rocky, đợt tiếp
hiệm tiếp tục đi xuôi theo sông Columbia.
Khi đó đó là ngày 7 tháng 1 năm 1805...



TUYỆT QUÁ
NHỮNG NGÀY
MƯA U ẦM
ĐÃ HẾT.

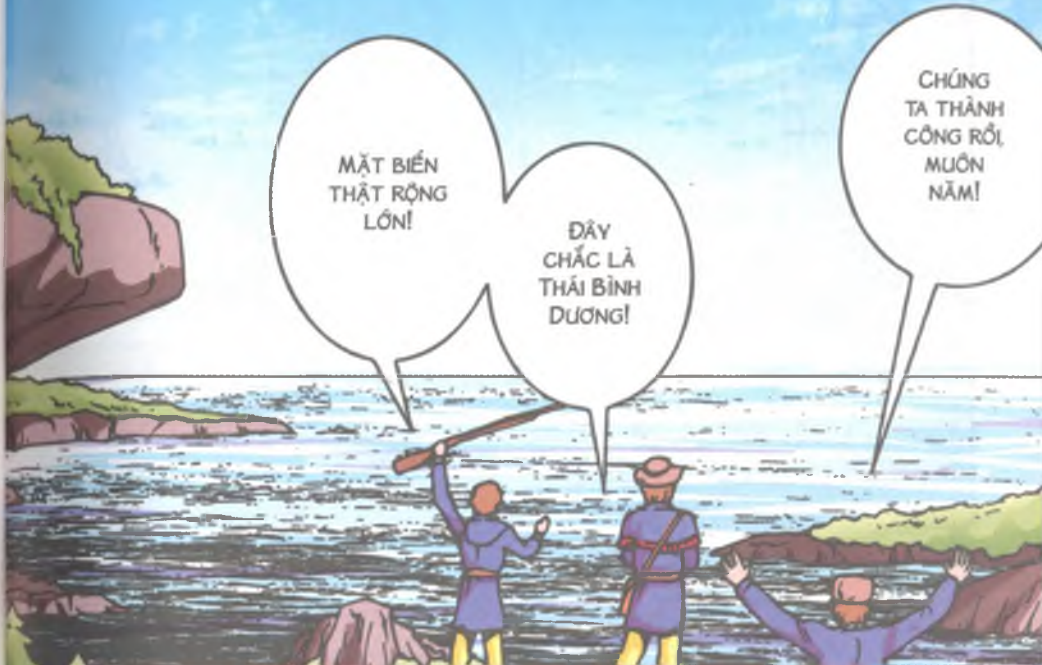


TRỜI ĐẮT!
MỌI NGƯỜI
NHÌN ĐẲNG
KIA KÌA!



A
KIA LÀ
GÌ VẬY?





MẶT BIỂN
THẬT RỘNG
LỚN!

ĐÂY
CHẮC LÀ
THÁI BÌNH
DƯƠNG!

CHÚNG
TA THÀNH
CÔNG RỒI,
MUỐN
NĂM!

Đội của Lewis đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thám hiểm và trở về St. Louis vào năm sau. Hành trình của họ dài tới 12.000 km.

Lewis và Clark trở thành anh hùng của nước Mỹ, mở màn cho phong trào khai hoang miền Tây.



NƯỚC MỸ
CẢM ƠN
CÁC BẠN!



Cuộc chiến tranh với người da đỏ



Những người tại miền tây khai hoang chặt phá những khu rừng rậm để làm nơi định cư.

Sau đó họ dựng những ngôi nhà gỗ đơn sơ để cư trú.



CỎ LÊN,
SẮP HOÀN
THÀNH RỒI!

Tiếp theo là khai khẩn đất nông nghiệp.











CÁC ANH ĐÃ
CỨU MẠNG CHÚNG
TÔI CẢM ƠN RẤT
NHIỀU!

KHÔNG CÓ GÌ,
NHƯNG NHÀ BỊ ĐỐT
MẤT RỒI ANH TÍNH
SAO?



KHÔNG SAO,
TÔI DỰNG LẠI
MỘT NGÔI
NHÀ MỚI LÀ
XONG.



NGƯỜI DA ĐỎ DÁNG GHÉT, TẠI SAO
HỌ LẠI THÙ DỊCH VỚI CHÚNG TA
Ở KHẮP NƠI THẾ NHI?



NHÓC CON,
VIỆC NÀY
KHÔNG THỂ CHỈ
TRÁCH NGƯỜI
DA ĐỎ, CHÚNG
TA ĐÃ CHIÊM
ĐOẠT ĐẤT
ĐẠI CỦA
HỌ.

MỘT SÔ
NGƯỜI DA
TRẮNG CÒN
LÀM RẤT
NHIỀU VIỆC
XẤU.

CHÚ ƠI,
CHÚ LÀ AI
THẾ Ạ?



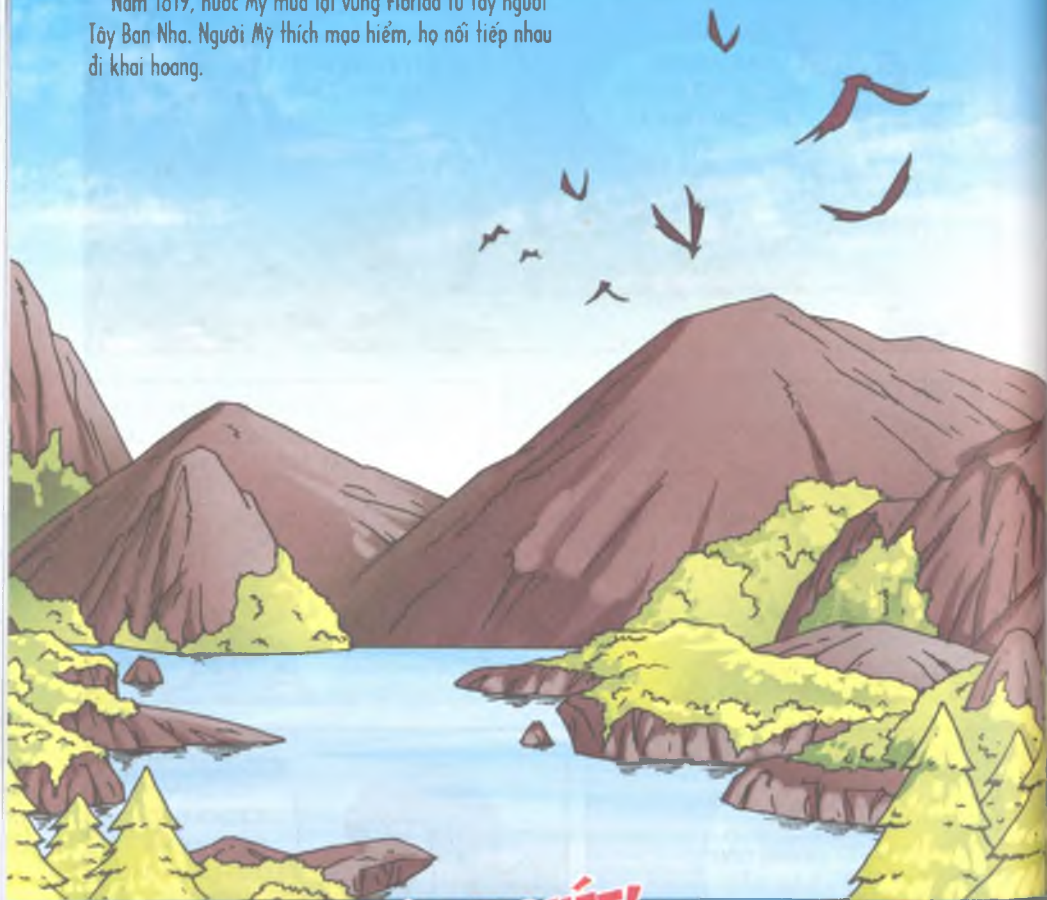
NGÀI CHÍNH
LÀ DAVY
CROCKETT
DANH TIẾNG
LỪNG LẮY PHẢI
KHÔNG Ạ?



NẾU
CHÍNH PHỦ
KHÔNG MAU
MAU NGHĨ CÁCH
THÌ XUNG ĐỘT
GIỮA NGƯỜI KHAI
HOANG VÀ NGƯỜI
DA ĐỎ SẼ NGÂY
CÀNG GAY
GẮT!



Năm 1819, nước Mỹ mua lại vùng Florida từ tay người Tây Ban Nha. Người Mỹ thích mạo hiểm, họ nối tiếp nhau đi khai hoang.



LỮ DA ĐỎ ĐÁNG GHÉT!

LỮ DA TRẮNG ĐÁNG CHẾT!



Xung đột giữa người da trắng và người da đỏ vẫn tiếp diễn.



KHOANH
MỘT VÙNG ĐẤT
TỪ SÔNG
MISSISSIPPI
VỀ PHÍA TÂY, CHO
NGƯỜI DA ĐỎ
CHUYỂN ĐẾN ĐÓ
SINH SỐNG THÔI.

Năm 1829, tổng thống thứ bảy của
Hoa Kỳ - người vốn xuất thân từ miền
Tây là Andrew Jackson đưa ra chủ
trương mới...



THẬT QUÁ ĐÁNG!
CHÍNH CHÚNG TA ĐÃ
CƯỚP ĐOẠT ĐẤT ĐẠI
CỦA THỔ DÂN DA ĐỎ,
BÂY GIỜ LẠI BUỘC HỌ
PHẢI RỜI XA QUÊ
HƯƠNG Ơ?



NGHỊ SĨ DAVY CROCKETT, ĐÓ LÀ
VÌ SỰ PHÁT TRIỂN TỐT HƠN NỮA
CHO MIỀN TÂY.



NHƯ VẬY QUÁ NGANG NGƯỢC,
VỖ LÍ! NƯỚC MỸ LÀ QUỐC GIA MỌI
NGƯỜI ĐỀU BÌNH ĐẲNG CƠ MÀ!



NGÀI CROCKETT,
RỒT CUỘC NGÀI ĐỨNG
VỀ PHE NÀO? BÂY GIỜ SỞ
NGƯỜI DA TRẮNG ĐỒNG
GẤP ĐÔI SỞ VỚI SỞ NGƯỜI
DA ĐỎ. ĐÂY LÀ QUỐC GIA
CỦA NGƯỜI DA TRẮNG
MÀ.

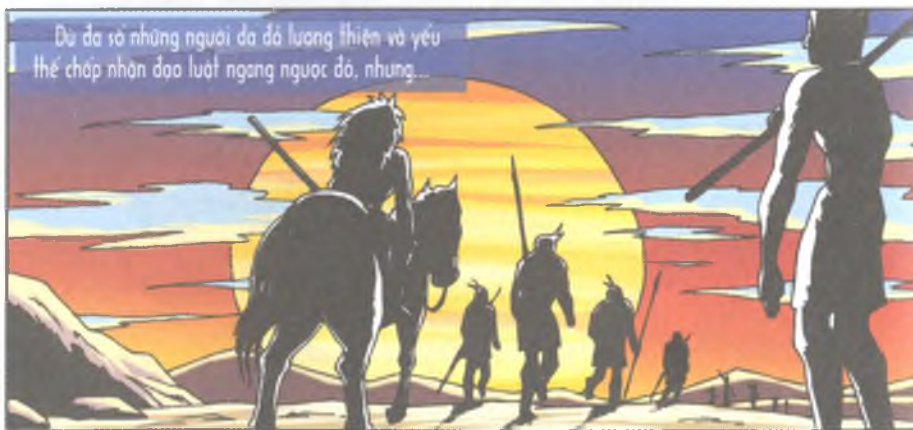
VÌ SỰ
PHÁT TRIỂN CỦA
HỢP CHÚNG QUỐC,
CẦN PHẢI HI SINH
LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI
DA ĐỎ, NHẤT ĐỊNH
PHẢI THỰC HIỆN
ĐẠO LUẬT DI DÂN
ĐỔI VỚI HỌ!



Năm 1830, chính phủ Mỹ ban bố
"Đạo luật di dân đổi với người da
đỏ". Các bộ lạc da đỏ sống rải rác
ở miền Tây Nam của Bắc Mỹ đều
bị cưỡng chế đi cư tới vùng đất từ
sông Mississippi về phía Tây.



Dù da đỏ những người da đỏ lương thiện và yếu
thể chấp nhận đạo luật ngang ngược đó, nhưng...



CỨ TIẾP TỤC THỂ NÀY,
SỚM MUỘN SẼ XẤY RA
CHUYỆN.



Người da đỏ của các bộ tộc Cheyenne,
Sioux và Apache không chịu cúi đầu trước
chính phủ Mỹ.



NGƯỜI DA TRẮNG
XÂM PHẠM LÃNH THỔ
CỦA CHÚNG TA, SẴN
BẮN ĐÀN BÒ RỪNG
QUÝ HIỂM.



GIỜ DÂY CÒN
ÉP CHÚNG TA
RỜI KHỎI QUÊ
HƯƠNG ĐỂ HỌ
XÂM CHIÈM NỐT
VÙNG ĐẤT
MẪU MỜ!

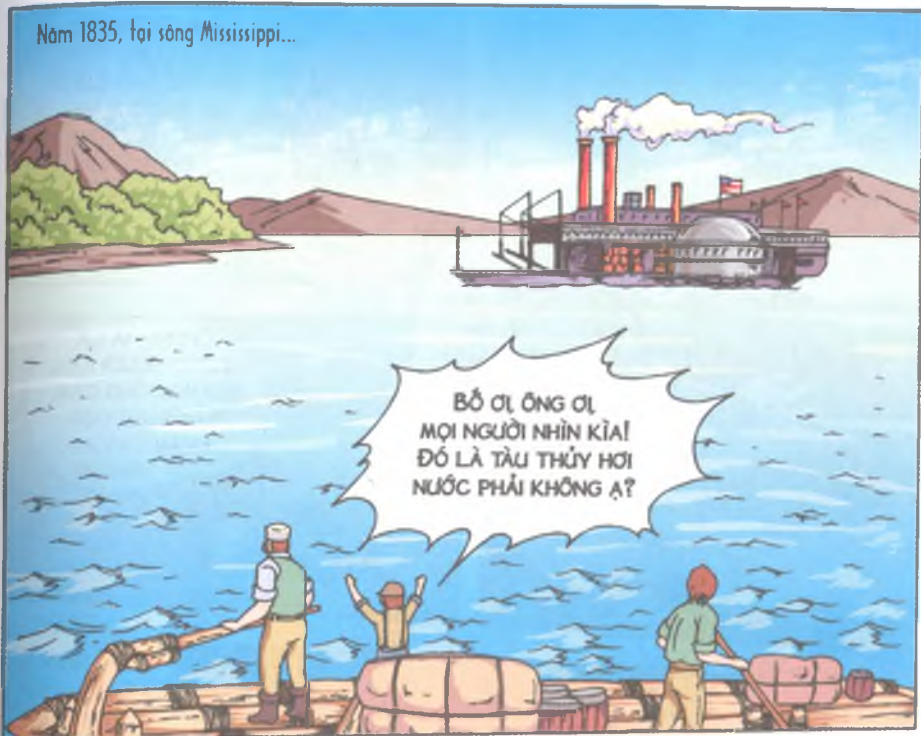
NGƯỜI DA TRẮNG LÀ
KẺ THÙ CỦA CHÚNG TA!
HÃY TIÊU DIỆT HỌ!



Thế nhưng chính phủ Mỹ đâu có thừa nhận quyền lợi của người da đỏ, họ chỉ muốn dùng vũ lực buộc người da đỏ phải khuất phục, chiến tranh giữa hai bên xảy ra liên miên. Trong đó, chuyện tù trưởng của bộ tộc Apache là Geronimo chiến đấu anh dũng với người da trắng trong 10 năm đã trở thành câu chuyện truyền kì.



Năm 1835, tại sông Mississippi...





NGỒI LÊN
XE NGỰA VÀ TIẾP
TỤC LÊN ĐƯỜNG
THÔI. CHUYỀN NÀY
CHÚNG TA SẼ TÌM
KIẾM MỘT VÙNG ĐẤT
THẬT PHÌ NHIỀU!

VẬNG Ạ,
NHẤT ĐỊNH
SẼ TÌM
ĐƯỢC MỘT
VÙNG ĐẤT
MÀU MỜ!



LÀNH THỞ NƯỚC
MỸ VỎ CÙNG RỘNG
LỚN, THỂ NÀO CŨNG
TÌM ĐƯỢC MẢNH
ĐẤT THUỘC VỀ
CHÚNG TA.



CHÚNG TA LÀ
NHỮNG NGƯỜI KHAI
HOANG DUNG CẢM,
SẴN SÀNG ĐÓN
NHẬN THÁCH
THỨC!



ĐỪNG CÓ
BA HOA NỬA,
CẦU NƠI ĐÓ
BẮT CHUỘC
CROCKETT
ĐÚNG KHÔNG?

HƠ HƠ,
KHÔNG QUA
MẮT ĐƯỢC
BỐ NHÌ!
KHÔNG BIẾT
GIỜ NGÀI
CROCKETT
ĐANG Ở
ĐÂU?



CHÀO MỌI NGƯỜI!
CÓ THỂ CHO TÔI XIN MỘT CHÚT
NƯỚC KHÔNG?



ĐƯƠNG NHIÊN LÀ
ĐƯỢC Ạ, NHƯNG MÀ...

Ồ! NGÀI DAVY
CROCKETT
ĐÓ Ừ?

HƠ HƠ, CẬU
NHÓC SỢ KHÓC
THẾT TRONG
ĐÁM CHÁY LỚN
NĂM ĐÓ ĐÃ TRỞ
THÀNH CHÀNG
THANH NIÊN
RỒI.

CHUYỆN
TỪ 25 NĂM
TRƯỚC RỒI.

NGÀI
ĐỪNG
NHẮC LẠI
NỮA. NGÀI
ĐỊNH ĐI
ĐÂU THÊ?

TÔI PHẢI TỚI THÀNH PHỐ
ALAMO CỦA TEXAS ĐỂ
THAM GIA CUỘC CHIẾN
VỚI MEXICO.

NƯỚC MỸ
TEXAS
MEXICO
ALAMO
VINH MEXICO

Trận Alamo thảm khốc
kéo dài trong 13 ngày.



Quân Mỹ gồm 300 người chiến đấu với quân đội Mexico gồm 7.000 người, cuối cùng đã hi sinh toàn bộ.



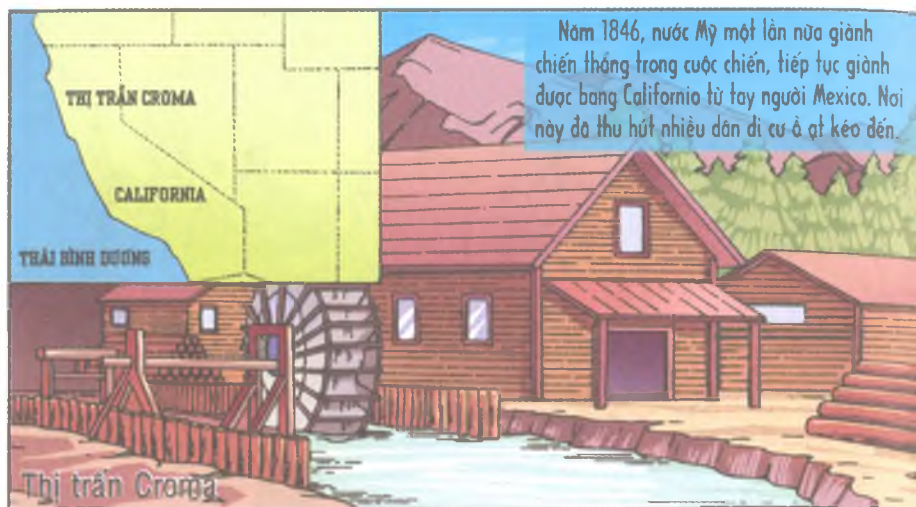
TRẬN
HUYẾT CHIẾN ĐÓ
ĐÃ KÌM HÂM BINH
LỰC CỦA MEXICO.
TRONG THỜI GIAN
CHIẾN TRANH,
TEXAS TỪNG
TUYÊN BỐ
ĐỘC LẬP...

HỌ LẦY
CÂU "NHỚ LẤY
ALAMO" LÀM
KHẩu HIỆU ĐỂ
CHIẾN ĐẤU
ANH DŨNG VỚI
QUÂN MEXICO.



Sau khi giành độc lập, vào năm 1845,
nước cộng hòa Texas sáp nhập vào nước
Mỹ và trở thành tiểu bang Texas.





CHIẾN TRANH GIỮA MỸ VÀ MEXICO

Năm 1846, Mỹ khai chiến với Mexico. Trải qua hai năm chiến đấu, Mỹ giành thắng lợi, hai bên kí kết hòa ước, nước Mỹ nhận vùng đất rộng lớn vốn thuộc về Mexico bao gồm California, Utah, Nevada, Arizona. Vì thế, nước Mỹ trở thành quốc gia sở hữu lãnh thổ rộng lớn từ bờ Đại Tây Dương tới bờ Thái Bình Dương.





Sau khi tin tức lan truyền, nhiều người đổ xô tới California để đào vàng. Đó chính là "con sốt vàng California" nổi tiếng.



TRÊN
NGỌN NÚI
ĐỒI DIỆN,
NGƯỜI TA
PHÁT HIỆN
RA MỎ VÀNG
MỚI.

CÁC ANH
XEM NÀY, TÔI
ĐÀO ĐƯỢC
CỤC VÀNG TO
THẾ NÀY!



ĐÂY LÀ
SỐ VÀNG
CỒM TÔI
ĐÀO ĐƯỢC,
HA HA!

CON SỐT VÀNG CALIFORNIA

Trên vùng đất California rộng lớn ban đầu chỉ có 20.000 nhân khẩu. Nhưng kể từ khi phát hiện ra mỏ vàng vào năm 1848, hàng loạt thợ đào vàng kéo đến. Trong vòng một năm, dân số California đã tăng vọt lên tới 80.000 người.

Tuy có người may mắn tìm được mỏ vàng và trở thành người giàu có, nhưng đa số mọi người đều chỉ tìm được gì.

Sau khi bùng phát, mọi người liền định cư ở California và bắt đầu sản xuất nông nghiệp.





Xe ngựa chở thuê đưa đón hành khách, chuyên chở hàng hóa và bưu kiện theo giờ, từ thành phường lên giao thông được đông đảo thợ đào vàng đón nhận.



CRỐC CRỐC CRỐC CRỐC...



NHỮNG HÀNH KHÁCH MUỐN ĐỔI XE NGỰA THÌ XIN MỜI NGHỈ NGƠI TẠI ĐÂY TRONG CHỖC LÁT.



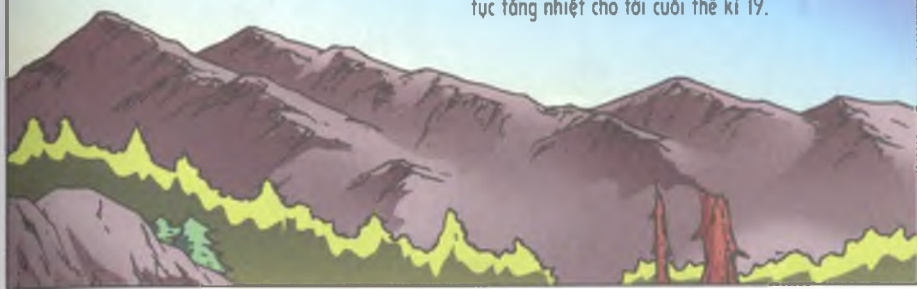
OA!
ĐÚNG LÀ
MỘT THÀNH
PHỐ NÁO
NHIỆT.

VÀNG ƠI,
TA TỚI ĐÂY!
TA SẼ TRỞ
THÀNH NGƯỜI
RẤT GIÀU CÓ!

Vì thế, San Francisco phát triển thành đô thị nổi tiếng với vàng.



Song song với việc phát hiện ra mỏ vàng, mỏ bạc trên dãy núi Rocky, cơn sốt vàng tại California liên tục tăng nhiệt cho tới cuối thế kỉ 19.



Hoa Kỳ mở tung cánh cửa của Nhật Bản



Năm 1853, bốn tàu chiến của Mỹ vượt qua Thái Bình Dương đi về phía Nhật Bản.

ĐỒ ĐỒC PERRY,
CHÚNG TA SẴP
SỬA TỐI NHẬT
BẢN RỒI Ạ.

TỐT,
CHUẨN BỊ
CẬP BẾN
THÔI

CỨ CHỜ ĐÂY,
TA NHẤT ĐỊNH
SẼ KHIÊN
NƯỚC NHẬT
PHẢI MỞ RỘNG
CÁNH CỬA VỚI
CHÚNG TA.

Bốn con tàu chiến này trong tương lai sẽ buộc Nhật Bản phải kết thúc tình trạng bế quan tỏa cảng trong hơn 200 năm, đồng thời bước vào thời kì cận đại.



Quay ngược thời gian về
mấy tháng trước...

MUỐN TIỀN HÀNH
TRAO ĐỔI BUỒN BÁN
VỚI NHẬT BẢN, PHẢI
BUỘC HỌ NGỪNG
CHÍNH SÁCH BÊ
QUAN TỎA
CĂNG.

TÔI NHẤT
ĐỊNH SẼ HOÀN
THÀNH NHIỆM
VỤ.

Thời kì đó, để lấy được dầu thấp đèn và dầu bôi trơn
cho máy móc, người Mỹ đã săn bắt cá voi ở các nơi. Tàu
sàn cá voi của Mỹ thường xuyên xuất hiện tại các vùng
biển gần Nhật Bản.



VÙNG BIỂN NÀY
LÀ NƠI SĂN CÁ VOI
RẤT TỐT!

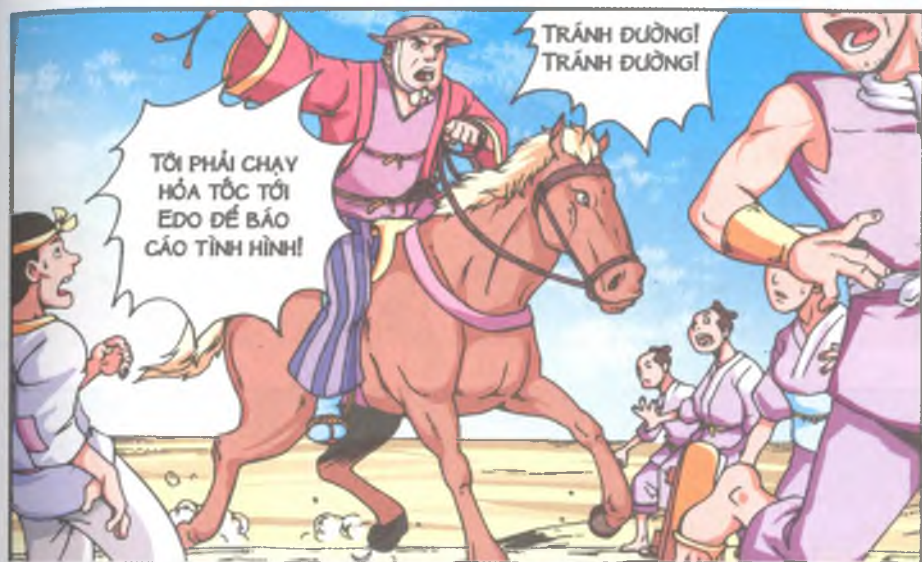
NẾU NHU CÓ THỂ CẬP
BẾN TẠI CÁC CẢNG CỦA
NHẬT BẢN ĐỂ TIẾP TÊ
THỰC PHẨM, NƯỚC NGỌT
VÀ NHIÊN LIỆU THÌ SẼ
CANG TUYỆT HƠN.





Năm 1853, hạm đội của Perry đi vào vùng neo đậu của cảng Kanagawa, dùng vũ lực buộc Mạc phủ Tokugawa mở cửa đất nước.





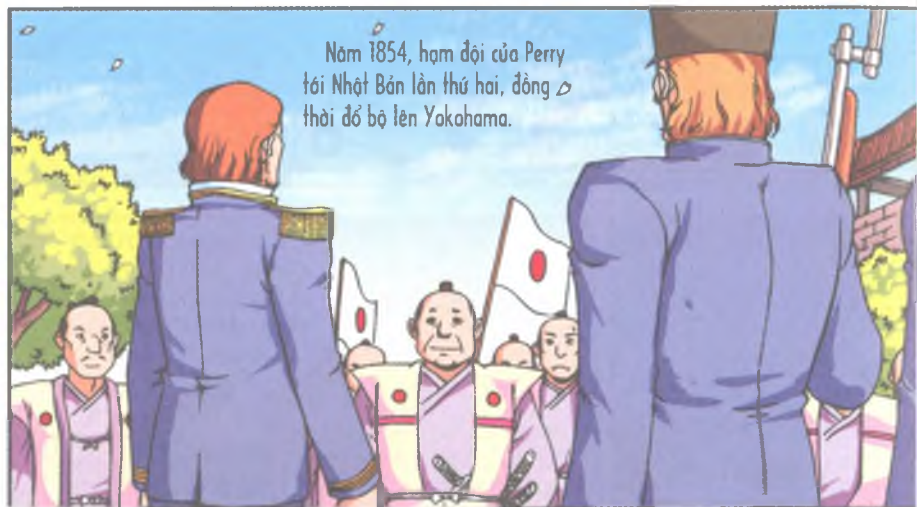
Thành Edo



Sự xuất hiện của hạm đội Mỹ đã gây ra sóng to gió lớn trong nước Nhật vốn ngủ yên 200 năm.



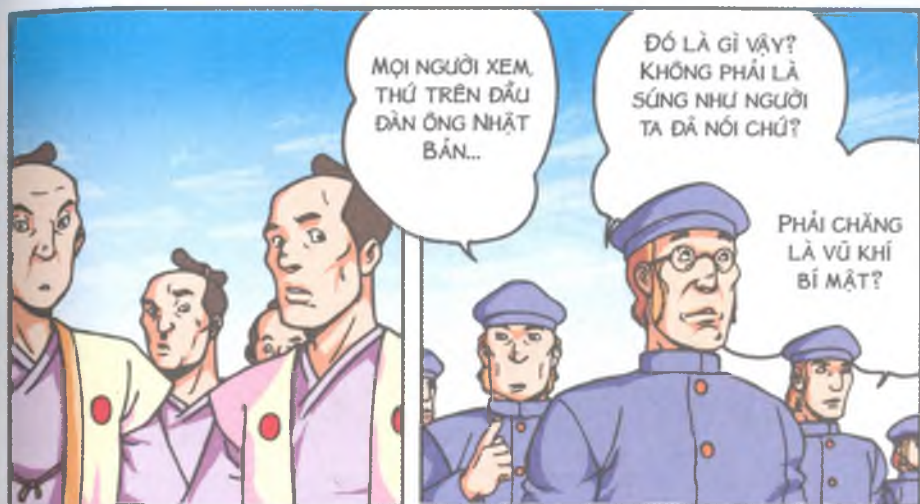
Năm 1854, hạm đội của Perry tới Nhật Bản lần thứ hai, đồng thời đổ bộ lên Yokohama.



Ồ, ĐÂY CHÍNH
LÀ NƯỚC NHẬT
ĐÃ ĐÓNG CỬA
200 NĂM Ứ?

MỘT THẾ GIỚI
HOÀN TOÀN KHÁC
VỚI ĐẤT NƯỚC
CỦA CHÚNG TA.







Sáu năm sau, vào năm 1860, chính phủ Nhật cắt cử Katsu Kaishu, Fukuzawa Yukichi và những người khác sang thăm nước Mỹ. Con tàu "Kanrin Maru" mà họ đi là con tàu Nhật đầu tiên vượt qua Thái Bình Dương để cập bến ở nước Mỹ.





ĐÓ CHÍNH LÀ
XE LỬA Ủ?

CON
QUÁI VẬT
KHỔNG LỔ
ĐÓ CHẠY VỚI
TỐC ĐỘ CỰC
NHANH ĐÂY!



NỀN VĂN MINH
PHƯƠNG TÂY
ĐÚNG LÀ TIỀN
BỘ. TÔI VỪA
CHỤP THỦ VÀI
TẤM TRONG
HIỆU ẢNH.

TÔI THÌ VỪA MUA
MỘT CUỐN TỪ ĐIỂN
TIẾNG ANH, HI VỌNG
MÌNH SẼ HỌC ĐƯỢC
NGÔN NGỮ CỦA
NGƯỜI MỸ.



Mở cửa đất nước, được tiếp xúc với nền
văn minh tiên bộ của nước ngoài, từ đó
nước Nhật Bản phát triển thần tốc và bước
vào thời kì hiện đại hóa.



Nước Mỹ tích cực mở rộng lãnh thổ

Sau khi giành được độc lập ít lâu, nước Mỹ nhanh chóng mở rộng lãnh thổ với quy mô lớn. Năm 1803, Napoleon bán vùng Louisiana cho nước Mỹ với giá 15 triệu đô la. Do đó lãnh thổ nước Mỹ được mở rộng gấp đôi. Vào những năm 40-50 của thế kỉ 19, thuyết "Vận mệnh hiển nhiên" cổ xúy nước Mỹ mở rộng về Bắc Mỹ, thậm chí là xuống Nam Mỹ, một lần nữa làm dấy lên cơn sốt. Trong khoảng 150 năm sau đó, bằng các biện pháp cưỡng đoạt, mua lại, thôn tính, phát động chiến tranh... nước Mỹ đã lần lượt giành được thêm các vùng lãnh thổ từ tay Tây Ban Nha, Mexico và Anh, biến thành cả thảy 48 tiểu bang. Cuối cùng vào năm 1867, Mỹ mua lại Alaska từ nước Nga. Năm 1898, Mỹ thôn tính quần đảo Hawaii, từ đó duy trì ổn định toàn bộ lãnh thổ gồm 50 tiểu bang.

Sau chiến tranh giành độc lập, cư dân và dân di cư của các bang miền Đông bắt đầu di về miền Tây, dần dần hình thành nên phong trào

TỪ ĐIỂN BẠCH KHOA LỊCH SỬ BỎ TÚI

Tây tiến quy mô lớn. Ban đầu, dân di cư chủ yếu đến "miền Tây cũ" tức là từ sông Mississippi về phía Đông để định cư. Kể từ những năm 20 của thế kỉ 19 thì xuất hiện cao trào dân di cư bằng qua sông Mississippi hướng về "miền Tây mới", tiếp đó lại men theo bờ Thái Bình Dương đi cư tới "miền viễn Tây". Phong trào Tây tiến là quá trình lập nghiệp, khai hoang gian khổ của đồng dân di cư, đồng thời cũng là vết nhơ lịch sử về việc tàn sát bừa bãi và cướp bóc người da đỏ. Rất nhiều người da đỏ đã bị giết hại trong cuộc chiến đấu anh dũng bảo vệ quê hương và cơ nghiệp tổ tiên.

Miền Tây nước Mỹ

"Miền Tây nước Mỹ" chỉ những phạm trù địa lí khác nhau trong các thời kì lịch sử. Ban đầu là chỉ vùng đất nằm giữa dãy núi Appalachian và sông Mississippi, được gọi là "miền Tây cũ". Sau này, cùng với sự mở rộng lãnh thổ nước Mỹ về phía Tây, người ta gọi vùng đất từ sông Mississippi tới dãy núi Rocky là "miền Tây mới", còn vùng đất từ dãy núi Rocky tới bờ Thái Bình Dương được gọi là "miền viễn Tây".

Hiện tại, dựa theo cách phân chia khu vực của nước Mỹ, miền Tây bao gồm 11 tiểu bang là Washington, Oregon, California... Ngoài 11 bang trên ra còn bao gồm 6 bang là: Bắc Dakota, Nam Dakota, Nebraska, Kansas, Oklahoma, Texas, tổng cộng chiếm tới 60,2% diện tích của lãnh thổ nước Mỹ (không bao gồm các bang Alaska và Hawaii).

Nguyên do của phong trào Tây tiến

Ngay từ thời kì nước Anh cai trị, do các chủ nô miền Nam muốn phát triển kinh tế đồn điền ở lãnh thổ miền Tây; những nhà đầu tư ở miền Bắc thì muốn tới miền Tây để đầu cơ đất đai; tầng lớp nhân dân nghèo khổ như nông dân, thợ săn, công nhân mỏ, thì không có đất hoặc có ít đất nên mong muốn kiếm được một mảnh đất ở miền Tây... Nên dân Bắc Mỹ bắt đầu di cư về miền Tây. Nhưng để tiện cho việc kiểm soát nhân dân thuộc địa Bắc Mỹ, chính phủ Anh ban bố pháp lệnh nghiêm cấm họ di cư về phía Tây của dãy núi Appalachian. Sau khi nước Mỹ giành độc lập, những pháp lệnh đó bị xóa bỏ, hàng loạt dân di cư đua nhau từ miền Đông nước Mỹ men theo vùng duyên hải, vượt qua dãy núi Appalachian để đổ xô tới miền Tây, dần dần hình thành nên phong trào Tây tiến với quy mô lớn.



Các giai đoạn và ý nghĩa của phong trào Tây tiến

Phong trào Tây tiến bắt đầu từ cuối thế kỉ 18, tới cuối thế kỉ 19 thì kết thúc, trải qua ba đợt cao trào. Đợt thứ nhất là từ cuối thế kỉ 18 tới đầu thế kỉ 19, đợt thứ hai là sau năm 1815, đợt thứ ba là giữa thế kỉ 19.

Để tìm hiểu về miền Tây, thu thập các tin tức về cuộc Tây tiến, tháng 5 năm 1804, tổng thống Mỹ Thomas Jefferson đã cử Meriwether Lewis và William Clark dẫn đội thám hiểm đi về miền Tây. Đội thám hiểm có tổng cộng 45 người, trong đó bao gồm phiên dịch viên tiếng Tây Ban Nha và ngôn ngữ của người da đỏ. Họ lên thuyền và xuất phát từ thành phố St. Louis, đi ngược dòng sông Missouri lên trên, xuyên qua vùng Louisiana thời đó, đi thẳng tới bờ Thái Bình Dương, sau đó quặt về từ đường cũ, cuối cùng về thành phố St. Louis. Cuộc thám hiểm này mất tới hơn hai năm. Sau đó, nước Mỹ bắt đầu bùng lên cơn sốt mới khai phá miền Tây.

Phong trào Tây tiến ảnh hưởng lớn tới chính trị, kinh tế và xã hội Mỹ. Nó giúp mở rộng diện tích lãnh thổ, khiến nước Mỹ trở thành quốc gia có lãnh thổ rộng lớn, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, giúp nền nông nghiệp nước Mỹ phát triển thần tốc. Nó thúc đẩy ngành giao thông vận tải phát triển, kích thích sự ra đời của thành thị miền Tây và sự tiến bộ của ngành công nghiệp, thúc đẩy sự hình thành thị trường rộng lớn và thống nhất trong nước. Có thể nói, phong trào Tây tiến giúp cho nước Mỹ trở nên giàu mạnh.

Thế nhưng phong trào Tây tiến cũng khiến cho hàng loạt người da đỏ bị tàn sát, những người may mắn sống sót thì bị cưỡng chế và xua đuổi đến vùng đất hoang vu. Từ góc độ này có thể thấy rằng, phong trào Tây tiến là cuộc tàn sát đẫm máu của kẻ mạnh với kẻ yếu.

Quá trình mở rộng lãnh thổ của nước Mỹ

Sau khi giành độc lập, nước Mỹ nhanh chóng mở rộng lãnh thổ.

Năm 1803, với giá 15 triệu đô la, Mỹ mua vùng Louisiana từ nước Pháp với diện tích rộng tới 2,6 triệu km².

Năm 1810, Mỹ chiếm đoạt miền Tây Florida của Tây Ban Nha.

Năm 1819, Mỹ xuất quân xâm lược miền Đông Florida, mua ép miền Đông Florida với giá 5 triệu đô la.

Năm 1845, Mỹ thôn tính vùng Texas của Mexico.

Năm 1846, Mỹ buộc nước Anh từ bỏ vùng Oregon từ 46 vĩ độ Bắc xuống phía Nam.

Từ năm 1846 đến năm 1848, Mỹ khơi mào chiến tranh với Mexico, đoạt lấy vùng lãnh thổ rộng lớn từ sông Rio Grande về phía Bắc, bao gồm 5 tiểu bang California, Nevada, Utah, Arizona, New Mexico ngày nay cùng với một phần tiểu bang Colorado và Wyoming.

Năm 1853, Mỹ ép Mexico bán lãnh thổ của bang Arizona và vùng đất từ sông Gila của New Mexico về phía Nam.

Thông qua những lần mở rộng như vậy, cho tới cuối thế kỉ 19, lãnh thổ nước Mỹ từ chỗ diện tích chỉ có hơn 2,3 triệu km² thời kì đầu độc lập đã được mở rộng tới khoảng hơn 7,8 triệu km².



Mua vùng Louisiana

Tháng 7 năm 1776, 13 thuộc địa Bắc Mỹ tuyên bố độc lập, lãnh thổ lúc đó chỉ bao gồm 13 bang ven bờ Đại Tây Dương, diện tích khoảng 800.000 km². Năm 1783, sau khi thừa nhận nước Mỹ độc lập, nước Anh lần lượt đem phần lớn đất đai ven bờ Đại Tây Dương ngoài 13 bang trên đất cho nước Mỹ. Lãnh thổ nước Mỹ lên tới 2,3 triệu km², chiếm khoảng 30% diện tích nước Mỹ ngày nay.

Năm 1800, nước Pháp chiếm vùng Louisiana từ tay Tây Ban Nha. Louisiana chỉ vùng lãnh thổ rộng lớn nằm giữa sông Mississippi và dãy núi Rocky, phía Bắc là Canada, phía Nam tới tận vịnh Mexico, diện tích khoảng 2,6 triệu km² lớn gấp 20 lần diện tích bang Louisiana hiện tại. Năm 1802, tổng thống Mỹ thời đó là Thomas Jefferson đàm phán với nước Pháp để mua lại vùng đất rộng lớn này với giá cao. Vì Napoleon cần gấp

tiền cho chiến tranh nên cuộc đàm phán thuận lợi và nhanh chóng ngoài dự đoán. Napoleon đã bán Louisiana với giá 80 triệu franc Pháp (tương đương 15 triệu đô la Mỹ thời đó) cho Mỹ, tức là mỗi ki-lô-mét vuông chưa tới 6 đô la Mỹ. Tháng 4 năm 1803, Mỹ và Pháp kí kết hợp đồng chính thức.



Mua vùng Alaska

Alaska nằm ở góc Tây Bắc của lục địa Bắc Mỹ, ba mặt đều là biển bao quanh, gần kề với Bắc Băng Dương. Khí hậu nơi này giá lạnh, không nối liền với đất liền của Mỹ, một phần của nó còn là vùng duyên hải nằm kề bên bờ Thái Bình Dương thuộc góc Tây Nam của Canada.

Ban đầu, Alaska thuộc về nước Nga. Vùng đất phủ đầy băng tuyết này thời đó trông có vẻ không đáng giá bao nhiêu. Vì thế Sa hoàng Aleksandr II quyết định bán nó đi, đồng thời chốt hạ người mua là nước Mỹ. Vì lo rằng nước Mỹ không hứng thú với Alaska, nước Nga đã bỏ ra một khoản tiền khoảng 100.000 đô la Mỹ nhằm mua chuộc một số phóng viên và chính khách để nhờ họ thuyết phục chính phủ Mỹ.

Tháng 3 năm 1867, nước Nga cử quan chức sang Mỹ đàm phán về việc bán Alaska. Người cùng đàm phán với phía Nga là quốc vụ khanh của Mỹ - William H. Seward. Cuối cùng hai bên

đi đến thống nhất trao đổi với giá 7,2 triệu đô la Mỹ, đồng thời đến sáng sớm ngày hôm sau, hai bên đã kí kết thỏa thuận chính thức.

Sau khi thỏa thuận được kí kết, nó lập tức gây ra làn sóng phản đối ở Mỹ, nhiều người nói rằng đó là "vụ mua bán nguy hại", "một sai lầm khác thường", nhưng cuối cùng Seward vẫn thuyết phục được quốc hội thông qua bản thỏa thuận đó.

Sự thật đã chứng minh rằng Seward rất biết nhìn xa trông rộng. Theo ước tính, dưới lòng đất Alaska có khoảng 5.700 tỉ m³ khí tự nhiên và 30 tỉ thùng dầu thô, giá trị của nó vượt hơn 20.000 tỉ đô la Mỹ. Đây có thể là vụ mua bán đất đai kiếm lời nhiều nhất của chính phủ Mỹ.





Thomas Jefferson

Thomas Jefferson là vị tổng thống thứ ba của nước Mỹ (nhiệm kì từ năm 1801 tới năm 1809), người sáng lập đảng Dân chủ Cộng hòa, cũng là người soạn thảo ra bản "Tuyên ngôn độc lập" của nước Mỹ.

Ngày 13 tháng 4 năm 1743, Jefferson sinh ra trong một gia đình chủ đồn điền thuộc lá tằm trung ở Virginia. Năm 1762, ông tốt nghiệp tại Học viện William - Mary. Năm 1767 ông làm luật sư, đồng thời trở thành nhân vật lãnh đạo trong giới luật sư ở Virginia. Năm 1769, ông được bầu làm nghị sĩ của nghị viện Virginia. Tháng 5 năm 1775, khi là đại biểu của bang Virginia tham gia quốc hội lục địa lần thứ hai, ông được chỉ định là thành viên của ủy ban soạn thảo "Tuyên ngôn độc lập", đồng thời là người chấp bút chính. Kể từ năm 1779, ông làm thống đốc bang Virginia. Năm 1789, sau khi chính phủ liên bang được thành lập, ông trở thành quốc vụ khanh. Cuối năm 1793, ông sáng lập và lãnh đạo đảng Dân chủ Cộng hòa. Năm 1800, Jefferson được bầu làm tổng thống thứ ba của nước Mỹ. Năm 1804, ông lại trúng cử nhiệm kì thứ hai.

Trong thời gian nhậm chức tổng thống, ông tích cực đẩy mạnh chính sách mở rộng về phía

Tây, đồng thời mua vùng Louisiana từ Pháp, khiến lãnh thổ nước Mỹ được mở rộng khoảng gấp đôi. Ông còn cất cử đội thám hiểm đến khu vực Tây Bắc, giúp biên giới phía Tây của nước Mỹ vươn tới tận bờ Thái Bình Dương. Ông còn nghiêm cấm việc mua bán nô lệ, thi hành chính sách "Lấy nông nghiệp làm gốc, thương mại là phụ", thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Mỹ. Trong thời gian ông làm tổng thống nhiệm kì hai, nền kinh tế Mỹ trở nên phồn vinh, dân số tăng lên, lãnh thổ được mở rộng.

Jefferson hiểu học và đa tài, có nhiều đam mê. Ông biết nhiều ngôn ngữ, đồng thời cũng là kĩ sư đo đạc đất đai, kiến trúc sư, nhà sinh vật học, nhà triết học, nhà âm vận học và nhà văn. Khi về già, ông còn thành lập trường đại học Virginia và làm hiệu trưởng nhiệm kì đầu tiên của trường này. Trong suốt cuộc đời, Jefferson có rất nhiều tác phẩm nổi tiếng, người đời sau đem tập hợp những bài viết của ông lại để xuất bản, tất cả có 20 quyển.

Ngày 4 tháng 7 năm 1826, Jefferson qua đời. Ông được nhân dân Mỹ tôn sùng là "nhà hiền triết", tên tuổi ngang hàng với Washington và Lincoln.



Câu chuyện về Jefferson

Năm 1785, Jefferson từng làm đại sứ tại Pháp. Một hôm, ông tới thăm ngoại trưởng Pháp. "Có phải ngài thay thế cho Franklin không?", ngoại trưởng hỏi. "Chỉ là 'thay mặt' chứ không ai có thể 'thay thế' được ông ấy." Jefferson đáp lại.

Từ đầu tới cuối, Jefferson vẫn coi mình là một viên chức bình dân. Trong thời gian làm tổng thống, chiều nào Jefferson cũng một mình cưỡi ngựa đi dạo tới vùng ngoại ô Washington D.C để tiếp xúc với đồng bào nhân dân. Có lần Jefferson gặp một người, người đó trông thấy Jefferson đang cưỡi ngựa, ăn mặc thì rất bình dân nên tưởng ông là người buồn ngựa. Hai người

bắt đầu trò chuyện, khi chủ đề nhắc tới vị tân tổng thống, người đó nói: "Nghe nói Jefferson tiêu tiền rất bạo tay, trên mỗi ngón tay ông ta đều đeo nhẫn. Nếu đem bán quần áo của ông ta đi thì số tiền thu được có thể mua hẳn một đồn điền và hai chiếc đồng hồ." Jefferson nghe nói vậy thì cười lớn và nói: "Quần áo mà tổng thống mặc thường ngày chưa chắc đã đẹp bằng của ông đâu! Nếu ông không tin thì tôi có thể đưa ông đi gặp ông ấy." Khi hai người cưỡi ngựa tới cổng Nhà Trắng, người hầu cất tiếng chào Jefferson: "Kính chào ngài tổng thống!" thì người đó bất chợt mất chữ O miệng chữ A, lúng túng không biết làm thế nào.



Chặng đường đầy máu và nước mắt của người da đỏ

Sau khi nước Mỹ giành độc lập, cùng với sự phát triển thần tốc của chủ nghĩa tư bản và việc mở rộng lãnh thổ, hàng loạt người da đỏ bị xua đuổi ra khỏi vùng đất của tổ tiên, di chuyển tới vùng đất cằn cỗi ở miền Tây. Năm 1830, chính phủ Mỹ đã thông qua “Đạo luật di cư cho người da đỏ”, quy định họ phải di chuyển tới khu vực bảo tồn (phần lớn khu vực này đều là vùng núi xa xôi cằn cỗi hoặc vùng sa mạc). Hàng loạt người da đỏ bị chết trên đường di cư, chẳng hạn như một bộ tộc tên là Cherokee buộc phải di cư tới vùng “Okla huma” (nay là tiểu bang Oklahoma). Trải qua gần 5 tháng, khoảng 4.000 người đã mất mạng, chiếm tới 25% dân số của bộ tộc này. Người da đỏ còn bị quân đội Mỹ tàn sát trong thời gian dài, dân số giảm mạnh. Có thể nói, phong trào Tây tiến chính là chặng đường lịch sử đầy máu và nước mắt của họ.

Thợ chăn bò miền Tây nước Mỹ

Trong quá trình mở rộng miền Tây nước Mỹ, hàng loạt đàn bò được đưa tới đây. Những đàn bò khi vượt qua chặng đường xa xôi cần phải có người dẫn dắt và chăm sóc, vì thế nghề thợ chăn bò đã ra đời.

Những thợ chăn bò phải cưỡi ngựa, trông coi đàn bò cẩn thận. Đa số họ là những người chịu đựng được gian khổ, ngoài ra phải có những phẩm chất ưu tú như nhanh trí, dũng cảm, trầm tĩnh, cẩn trọng thì mới có thể ứng phó được mọi sự cố và nguy hiểm bất ngờ trên đường đi. Chính họ trực tiếp mở mang những con đường cho những người “Tây tiến”, được vinh dự gọi là “những người tiên phong trong công cuộc mở rộng miền Tây của nước Mỹ”, “những anh hùng trên lưng ngựa”.

Cuối thế kỉ 19, cùng với sự phát triển của giao thông vận tải, các thợ chăn bò thì nhau chuyển nghề, nhưng tinh thần khai phá, hăng hái tiến lên của họ vẫn luôn khích lệ người dân Mỹ, đồng thời cho ra đời các loại hình văn hóa đặc sắc như tiểu thuyết miền Tây, điện ảnh miền Tây... Sức ảnh hưởng của họ vẫn còn duy trì tới ngày nay.

Sự ra đời của chiếc quần bò

Vào những năm 40 của thế kỉ 19, người ta phát hiện ra mỏ vàng ở miền Tây nước Mỹ. Trong số những thợ đào vàng, có một người tên là Levi Strauss. Ông vốn là một người buôn vải, khi tới miền Tây, ông mang theo một ít vải bạt để làm lều tạm hoặc bạt che cho xe cộ. Những thợ đào vàng thời đó đa số mặc quần vải bông nên dễ rách. Strauss thấy đây là một cơ hội tốt để kiếm tiền, nên đã lấy số vải bạt mang theo cắt thành quần đem bán. Loại quần này mặc rất bền và chắc, khi mặc lên người thì cảm thấy vô cùng thoải mái, cử động dễ dàng, rất được cánh thợ đào vàng chào đón. Không lâu sau, rất nhiều thợ chăn bò cũng thích loại quần này, về sau mọi người liền gọi loại quần này là “quần của thợ chăn bò” (quần bò), còn Levi Strauss cũng phát lên nhờ kinh doanh quần bò, thương hiệu trang phục bò mà ông sáng lập ra đã trải qua hơn 100 năm, tới ngày nay vẫn được coi là một trong những thương hiệu nổi tiếng thế giới.



Bảng Cộng hòa và đảng Dân chủ

Tuy nước Mỹ có nhiều đảng phái nhưng luôn là đảng Cộng hòa và đảng Dân chủ thay nhau nắm quyền.

Đảng Cộng hòa được thành lập vào năm 1854, chủ yếu đại diện cho lợi ích của giai cấp tư sản công nghiệp, giai cấp công nhân và tiểu nông miền Tây. Năm 1860, ứng viên của đảng Cộng hòa là Abraham Lincoln được bầu làm tổng thống thứ 16 của nước Mỹ, đảng này lần đầu tiên nắm quyền. Từ năm 1933 về sau, những người của đảng Cộng hòa lên nắm quyền lần lượt là Warren G. Harding, Calvin Coolidge, Herbert Hoover, Dwight D. Eisenhower, Richard Nixon, Gerald Ford, Ronald Reagan, George H. W. Bush và George W. Bush. Đảng Cộng hòa không có cương lĩnh đảng cố định. Tất cả cử tri bỏ phiếu bầu cho ứng viên tổng thống của đảng này đều được coi là đảng viên của đảng.

Đảng Dân chủ được thành lập vào năm 1828, đại diện cho lợi ích của các đồn điền ở miền Nam. Trước khi Abraham Lincoln lên nắm quyền, trong hơn 30 năm sau khi đảng Dân chủ được

thành lập, đảng này từng nắm quyền 24 năm. Trong vòng 48 năm từ năm 1885 tới năm 1933, đảng Dân chủ nắm quyền 16 năm. Từ năm 1933 trở đi, những người của đảng Dân chủ là: Franklin D. Roosevelt, Harry S. Truman, John F. Kennedy, Lyndon B. Johnson, Jimmy Carter, Bill Clinton... lần lượt được bầu làm tổng thống. Cũng giống như đảng Cộng hòa, đảng Dân chủ không có cương lĩnh và sổ đảng viên cố định.

Năm 1874, một họa sĩ của nước Mỹ đã sáng tác một bức tranh lấy con lừa tượng trưng cho đảng Dân chủ, lấy con voi tượng trưng cho đảng Cộng hòa. Sau đó, con lừa và con voi liền trở thành biểu tượng của hai đảng.

Thật ra, vị tổng thống thứ ba của nước Mỹ là Thomas Jefferson từng sáng lập đảng Dân chủ Cộng hòa. Đảng này từng nắm quyền liên tục tới 24 năm. Do sự phân hóa về lợi ích giữa các phe chính trị nên ở nước Mỹ xuất hiện đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa, khi đó hình thức và nội dung chính trị của hai đảng mới được xác lập một cách chính thức.

San Francisco

San Francisco nằm ở phía Tây Bắc bang California, là mỏm phía Bắc của bán đảo nằm giữa Thái Bình Dương và vịnh San Francisco, ba mặt giáp với biển, diện tích thành phố khoảng 120 km² được mệnh danh là "thành phố đẹp nhất nước Mỹ", "cửa ngõ của bờ Tây".

Năm 1776, thuộc địa đầu tiên của châu Âu được thành lập tại nơi này. Người Mexico dùng tiếng Tây Ban Nha đặt tên cho nơi này là "San Francisco". Khi đó, cư dân ở đây chỉ có hơn 800 người. Khi thuộc về nước Mỹ vào năm 1846, vùng này cũng chỉ là một thị trấn nhỏ, cư dân chưa tới 1.000 người. Năm 1848, sau khi phát hiện ra mỏ vàng, dân di cư ồ ạt kéo tới đây, làm dấy lên cơn sốt vàng. Khi thành lập thành phố vào năm 1850, dân số đã tăng nhanh. Năm 1906, ở San Francisco xảy ra động đất mạnh, 80% công trình kiến trúc của toàn thành phố bị phá hủy, nhưng đã nhanh chóng được xây dựng lại...

Cầu Cổng Vàng là một trong những cây cầu treo dây văng lớn nhất thế giới, tổng chiều dài cầu hơn 2,7 km, hai trụ chính của cầu cao gần

bằng tòa nhà 65 tầng. Nó được khởi công vào tháng 1 năm 1933, tới tháng 5 năm 1937 thì hoàn thành, tổng cộng số dây thép được dùng là 24.000 tấn, chi phí xây dựng thời đó là 3 triệu đô la Mỹ, nhân công của 6 quốc gia tham gia việc xây dựng. Cho tới ngày nay, cây cầu này đã trở thành biểu tượng và thắng cảnh quan trọng của San Francisco.

Hiện nay, San Francisco đã trở thành thành phố hải cảng quan trọng, là trung tâm ngân hàng, thương mại và văn hóa của miền Tây nước Mỹ. Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin nổi tiếng toàn cầu – thung lũng Silicon nằm ở phía Nam của San Francisco.

Là một thành phố quốc tế hóa, dân số của San Francisco rất phức tạp, người da trắng chiếm trên 2/5 dân số, dân di cư chia theo từng khu vực, trong đó "Chinatown" (phố của người Hoa) ở San Francisco là nơi có người Hoa tụ tập sinh sống nổi tiếng khắp thế giới.



Chinatown ở San Francisco

Nhà Đường là thời đại xán lạn huy hoàng nhất trong lịch sử Trung Quốc, đồng thời cũng có ảnh hưởng lớn trên thế giới. Nhiều quốc gia trên thế giới gọi người Trung Quốc là “người nhà Đường”, gọi những khu phố người Hoa tập trung cư trú ở nước ngoài là “Chinatown” (phố của người Hoa).

Chinatown ở San Francisco nằm ở giữa đại lộ Grant và phố Bush thuộc trung tâm thành phố. Loạt dân di cư người Trung Quốc đầu tiên đã bắt đầu định cư tại đây vào khoảng năm 1850. Nó là khu phố người Hoa có quy mô lớn nhất nước Mỹ. Nguồn gốc hình thành của nó là do vào cuối thế kỉ 19, có rất nhiều người Hoa tới San Francisco làm “lao công khổ ải”, họ tham gia mở rộng miền Tây, có cống hiến to lớn trong việc xây dựng nền kinh tế địa phương nhưng lại

bị chính quyền thời đó coi là “công dân hạng hai” và quy định chỉ được sinh sống trong khu vực nhất định, rồi phát triển tới ngày nay và hình thành nên khu phố “Chinatown” như hiện tại.



Vườn quốc gia Yellowstone

Trong phong trào Tây tiến, người ta phát hiện ra một vùng đất có diện tích rộng lớn và phong cảnh tuyệt đẹp. Đó chính là vườn quốc gia Yellowstone ngày nay.

Vườn quốc gia Yellowstone là công viên lớn nhất, nổi tiếng nhất và có lịch sử lâu đời nhất trong số những vườn quốc gia của nước Mỹ. Phần lớn công viên nằm ở phía Tây Bắc của bang Wyoming, một phần nhỏ thì nằm ở phía Nam bang Montana và phía Đông bang Idaho, diện tích tới 7.988 km².

Về mặt lịch sử, vùng đất này từng có núi lửa hoạt động, cấu tạo địa chất phức tạp, có các kì quan địa chất như dãy núi gỗ ghe, các thung lũng và hẻm núi đẹp mắt, rừng hóa thạch, địa mạo bị xâm thực thành các hình thù kì dị... Khoảng 2/3 mạch nước phun của thế giới đều tập trung tại đây. Vùng đất này vốn là khu vực săn bắn của người da đỏ, cùng với các cuộc thám hiểm và mở rộng miền Tây, vẻ đẹp kì diệu và tráng lệ của nó mới dần dần hiện ra trước mắt con người. Năm 1872, tổng thống Mỹ Ulysses S. Grant đã kí văn bản đồng ý mở

mang nơi đây thành vườn quốc gia. Đây là vườn quốc gia đầu tiên của nước Mỹ, đồng thời là vườn quốc gia đầu tiên trên thế giới do chính phủ đứng ra chủ trì xây dựng.

Vườn quốc gia Yellowstone có cảnh sắc hùng vĩ tráng lệ, trong đó nơi thu hút mọi người nhất chính là hàng ngàn suối nước nóng, suối phun và vòm bùn.

Sông và hồ của vườn quốc gia Yellowstone cũng có cùng tên, chẳng hạn như hồ Yellowstone nằm ở trung tâm vườn quốc gia là nơi bắt nguồn của sông Mississippi, cũng là hồ trên núi cao lớn nhất trên toàn nước Mỹ. Nước hồ trong veo nhìn thấy đáy, khi chảy xuống hẻm núi lớn Grand Canyon, nước hồ réo rào và đổ xuống, hình thành nên thác hạ lưu sông Yellowstone.

Phần lớn vườn quốc gia Yellowstone do cây cối bao phủ, có đủ loại động vật hoang dã sinh sống, trong đó, gấu là biểu tượng của vườn quốc gia Yellowstone.

Năm 1978, vườn quốc gia Yellowstone được liệt vào danh sách di sản đang cần được bảo vệ của thế giới.



"Black Hawk" và "Apache"

Trong cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức chính phủ Mỹ, rất nhiều thủ lĩnh bộ lạc nổi tiếng đã xuất hiện. Sự dũng cảm, ngoan cường và mưu trí của họ khiến ngay cả kẻ thù cũng phải kính phục tận đáy lòng. Ngày nay, rất nhiều loại vũ khí của nước Mỹ được đặt theo tên của một số thủ lĩnh da đỏ hoặc tên bộ lạc của họ.

Chẳng hạn như "cuộc chiến tranh Black Hawk" nổ ra vào năm 1832. Từ "Black Hawk" chỉ tên của một vị tù trưởng bộ tộc Sioux. Ông là người dũng cảm, mưu trí, đã dẫn dắt bộ tộc mình xuất quỷ nhập thần khi tấn công quân quân Mỹ, khiến quân Mỹ bị thương vong vô cùng thảm. Tuy cuối cùng Black Hawk bị bắt nhưng ông lại trở thành nhân vật anh hùng của nước Mỹ. Một loại máy bay trực thăng chiến đấu tiên tiến của Mỹ được đặt tên theo tên ông.

Hoặc chẳng hạn như loại máy bay trực thăng chiến đấu Apache nổi tiếng của quân đội Mỹ cũng được đặt theo tên của bộ tộc Apache anh dũng và thiện chiến.

Súng Colt

Loại súng lục được người châu Âu phát minh ra đầu tiên, thời gian phát minh cụ thể và người phát minh ra nó chưa được kiểm chứng. Súng lục phát triển với quy mô lớn là vào cuối thế kỉ 18. Nước Mỹ thời đó đang mở rộng miền Tây, cho dù chiến đấu với người da đỏ hay bắt bớ các phần tử phạm pháp, súng lục đều tiện lợi hơn súng trường rất nhiều, nhưng nó vẫn còn tồn tại thiếu sót là không thể bắn đạn liên tục. Vào những năm 30 của thế kỉ 19, một người Mỹ là Colt đã chế tạo ra "súng ngắn kiểu Colt bắn nhiều phát". Loại súng này mỗi khi bắn ra một viên đạn, hộp đạn sẽ tự động xoay một ô để nạp viên đạn tiếp theo vào nòng súng, nhờ đó người ta có thể bắn liên tiếp. Loại súng lục bắn liên tục này vừa tiện mang theo lại vừa sử dụng đơn giản. Nó được sử dụng rộng rãi trong quân đội Mỹ và trong giới thợ chăn bò miền Tây, còn được gọi là "khẩu súng chinh phục miền Tây".

Hạm đội của Perry đã mở tung cánh cửa của Nhật Bản

Tháng 7 năm 1853, tư lệnh Matthew C. Perry của hạm đội Đông Ấn, nước Mỹ, đã dẫn dắt bốn chiến hạm đi vào cảng Kanagawa trong vịnh Tokyo của Nhật Bản, yêu cầu nước Nhật vốn bế quan tỏa cảng trong thời gian dài phải mở cửa thông thương. Mặc phủ yêu cầu hạm đội tàu chiến của Mỹ trước hết đi về phía Nagasaki thì mới có thể tiến hành đàm phán. Perry đã từ chối, đồng thời dùng vũ lực để uy hiếp khiến Mạc phủ hoang mang. Perry thông báo với chính phủ Nhật Bản rằng, sang mùa xuân năm sau sẽ tới nghe câu trả lời từ phía họ, rồi rời khỏi cảng Kanagawa...

Tháng 2 năm 1854, Perry lại tới như đã hẹn trước, ông dẫn theo hạm đội gồm 10 tàu chiến neo đậu tại cửa sông Kanagawa. Mạc phủ buộc phải chấp nhận yêu cầu của nước Mỹ, kí kết "Hiệp ước Kanagawa", mở cửa hai cảng Shimoda và Hakodate. Từ đó, cục diện bế quan tỏa cảng hơn 200 năm của nước Nhật mới bị phá vỡ.



Mạc phủ

Từ thế kỉ 1 tới thế kỉ 2 TCN, tại các vùng của Nhật Bản xuất hiện nhiều quốc gia bộ lạc. Vào thế kỉ 5, thời đại Yamato đã thống nhất Nhật Bản, từ đó thành lập một quốc gia thống nhất.

Nhà nước Yamato thực hiện chế độ nô lệ do các quốc vương và quý tộc cha truyền con nối nắm giữ chính quyền. Cùng với sự phát triển của thời đại, chế độ nô lệ dần dần không còn hợp thời. Thông qua việc cải cách từ giữa đến cuối thế kỉ 7, chế độ phong kiến được thành lập ở Nhật Bản, đồng thời xác lập chế độ thống trị độc tài của Thiên hoàng. Từ sau thế kỉ 9, do thực hiện chế độ Mạc phủ, các nhóm võ sĩ dần dần trở nên lớn mạnh. Bắt đầu từ thế kỉ 12, Nhật Bản bước vào thời kì thống trị của Mạc phủ.

Mạc phủ Tokugawa và chính sách đóng cửa đất nước

Đầu thế kỉ 17, Mạc phủ Tokugawa bắt đầu thống trị Nhật Bản. Mạc phủ Tokugawa lấy thành Edo (tức Tokyo ngày nay) làm căn cứ địa, cho nên cũng được gọi là “Mạc phủ Edo”. Thời gian thống trị của Mạc phủ bắt đầu từ năm 1603 khi Tokugawa Ieyasu được ban tước hiệu “Chinh Di đại tướng quân” và thành lập Mạc phủ tại thành Edo, tới năm 1867, khi vị tướng đời thứ 15 là Tokugawa Yoshinobu đem trao trả quyền lực cho triều đình, tổng cộng kéo dài hơn 260 năm.

Sau khi Mạc phủ Tokugawa được thành lập, nền kinh tế nông nghiệp của Nhật Bản dần dần phát triển, kinh tế hàng hóa và thị trường trong nước cũng phát triển, thành thị không ngừng xuất hiện và ngày càng có quy mô lớn. Sang đầu thế kỉ 18, tại căn cứ của Mạc phủ ở thành Edo, dân số đã đông tới triệu người. Để ngăn ngừa các thế lực phương Tây xâm nhập, duy trì sự độc lập của Nhật Bản, Mạc phủ Tokugawa thực hiện chính sách đóng cửa, bắt đầu từ những năm 30 của thế kỉ 17 đã liên tục ban bố lệnh bế quan tỏa cảng, chỉ duy trì quan hệ trao đổi mậu dịch với Trung Quốc, Triều Tiên và Hà Lan. Thể chế đóng cửa này duy trì được hơn 200 năm cho tới khi hạm đội Đông Ấn của Mỹ do tướng Perry dẫn đầu đến gõ cửa và kí kết hiệp ước với Nhật Bản, từ đó cánh cửa nước Nhật mới chính thức mở ra với bên ngoài.

Từ “Mạc phủ” vốn chỉ dinh phủ của các tướng quân Nhật Bản khi ra trận, về sau lại trở thành tên gọi của chính quyền do tướng quân đứng đầu. Nền tảng thống trị của Mạc phủ là các lãnh chúa và tầng lớp võ sĩ. Tướng quân đem đất đai ban cho các lãnh chúa phong kiến lớn nhỏ. Lãnh chúa trung thành với tướng quân, nhưng trong lãnh địa của mình thì lại là người toàn quyền cai trị, có quyền lực cả về hành chính, tư pháp, thu thuế, đồng thời sở hữu quân đội riêng. Còn các võ sĩ lại là chư hầu của các tướng quân và lãnh chúa.

Mạc phủ tự bố trí các chức quan nắm giữ quyền về hành chính, quân sự, tư pháp, ngoài ra còn cử người tới kinh đô để giám sát triều đình.

Chế độ đẳng cấp dưới thời Mạc phủ Tokugawa

Dưới thời Mạc phủ Tokugawa, họ chia cư dân thành bốn đẳng cấp là: sĩ, nông, công, thương, đồng thời theo chế độ cha truyền con nối.

“Sĩ” bao gồm tướng quân, lãnh chúa và các võ sĩ, chiếm khoảng 10% tổng dân số Nhật Bản thời đó. Họ đảm nhiệm chức quan các cấp, được hưởng các loại đặc quyền. Thậm chí nếu một võ sĩ ở cấp thấp nhất cho rằng người dân thường nào đó vô lễ với mình thì anh ta có quyền hành quyết mà không cần hỏi trước.

“Nông” là chỉ nông dân, chiếm khoảng 80% tổng dân số. Họ phải gánh vác việc cống nạp nặng nề và các loại thuế má hàng năm, lại còn phải chịu sự hạn chế nghiêm khắc của pháp luật như không được di cư, không được thay đổi nghề nghiệp, không được mua bán ruộng đất, là đối tượng chính bị thể chế phong kiến bóc lột và đè nén.

Được xếp ở đẳng cấp thứ ba và thứ tư là những người làm nghề thủ công và thương gia, số người chiếm khoảng 10% tổng dân số. So với nông dân thì cảnh ngộ của họ càng bi thảm hơn, Mạc phủ và lãnh chúa có thể tùy ý cướp bóc tài sản của họ.

